

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 23/4/2021;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 37 /BB-ĐHĐCĐ TTSG ngày 17 tháng 4 năm 2026;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn tổ chức tại số 01, đường Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/4/2026 đã nhất trí.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026. Các chỉ tiêu chính

đơn vị: tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1.	Tổng Doanh thu	211,359	232,495
-	Doanh thu BDTX	143,795	143,795
-	Doanh thu ngoài công ích	67,564	88,700
2.	Lợi nhuận		
-	Lợi nhuận trước thuế	8,882	8,882
-	Lợi nhuận sau thuế	6,865	6,865

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 được Đại hội thông qua

- Quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính khi cần thiết, phù hợp. Sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát

Điều 4: Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán NVA – Chi nhánh phía Bắc (theo tờ trình Đại hội)

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (đồng)
1	Tổng cộng tài sản	113.027.399.675
2	Nợ phải trả	69.790.209.953
3	Vốn chủ sở hữu	43.237.189.722
4	Tổng doanh thu và thu nhập khác	211.359.637.813
5	Tổng Chi phí	202.477.475.161
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.882.162.652
7	Thuế TNDN hiện hành	2.016.574.620
8	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.865.588.032
9	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	1.354

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức, các quỹ năm 2025 và kế hoạch năm 2026

đơn vị: đồng

TT	Kế hoạch phân phối lợi nhuận	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1.	Tỷ lệ chi trả cổ tức	11%	11%
-	Tổng số tiền cổ tức phải trả (đồng)	3.381.510.000	3.381.510.000
-	Cổ tức cổ đông tổ chức (2.329.200 cp)	2.562.120.000	2.562.120.000
-	Cổ tức cổ đông đại chúng (744.900 cp)	819.390.000	819.390.000
2.	Trích quỹ đầu tư phát triển	310.500.000	310.500.000
3.	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.173.578.032	3.172.990.000
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi NLĐ	2.916.223.032	2.915.635.000
-	Quỹ Thưởng người quản lý Công ty	257.355.000	257.355.000

- Phương án chi trả cổ tức: Thời gian chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức: Thực hiện theo các quy định, do Hội đồng quản trị quyết định sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Thời gian trả cổ tức: Theo thời gian quy định, dự kiến trước ngày 17/10/2026.

- Nơi trả cổ tức: tại Trụ sở Công ty (đối với cổ phiếu chưa lưu ký) hoặc tại nơi lưu ký (đối với cổ phiếu đã lưu ký)

Điều 6. Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2026

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026 được Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính chấp thuận theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Thông qua việc thực hiện quỹ tiền lương, thù lao của người lao động, người quản lý Công ty năm 2025 và Kế hoạch năm 2026

1. Về thực hiện lao động, tiền lương, thù lao năm 2025:

- Lao động sử dụng bình quân: 403,83 người (trong đó người lao động: 397,83 người; Ban Điều hành: 04 người; Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát: 02 người).

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện của công ty: 76.465.307.200 đồng (không bao gồm tiền ăn giữa ca), trong đó:

+ Quỹ tiền lương người lao động: 74.023.000.000 đồng.

+ Tiền lương Ban Điều hành: 1.609.843.200 đồng.

+ Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát: 778.464.000 đồng.

+ Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên ban kiểm soát (không chuyên trách): 54.000.000 đồng.

- Mức lương, thù lao bình quân thực hiện:

+ Lương bình quân người lao động: 15.506.000 đồng/người/tháng.

+ Lương bình quân Ban Điều hành: 33.538.400 đồng/người/tháng.

+ Lương bình quân Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát: 32.436.000 đồng/người/tháng.

+ Thù lao bình quân Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên ban kiểm soát (không chuyên trách): 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Mức lương Người đại diện phần vốn:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị: 38.160.000 đồng/tháng.

+ Giám đốc: 37.100.000 đồng/tháng.

2. Kế hoạch lao động tiền lương, thù lao năm 2026:

- Lao động kế hoạch: 411,83 người (trong đó người lao động: 405 người; Ban Điều hành: 4,83 người; Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát: 02 người).

- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch (không bao gồm tiền ăn giữa ca): 85.566.112.000 đồng, trong đó:

+ Tiền lương người lao động: 82.894.000.000 đồng.

+ Tiền lương Ban Điều hành: 1.832.112.000 đồng.

- + Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát: 768.000.000 đồng.
- + Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên ban kiểm soát (không chuyên trách): 72.000.000 đồng
 - Mức lương, thù lao bình quân kế hoạch:
 - + Lương bình quân người lao động: 17.056.130 đồng/người/tháng.
 - + Lương bình quân Ban Điều hành: 31.588.140 đồng/người/tháng.
 - + Lương bình quân của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát: 32.000.000.
 - + Thù lao bình quân Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên ban kiểm soát (không chuyên trách): 2.000.000 đồng/người/tháng.
 - Mức lương Người đại diện phần vốn:
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị: 37.000.000 đồng/tháng.
 - + Giám đốc: 36.000.000 đồng/tháng.

Điều 8. Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn: theo tờ trình Đại hội

Điều 9. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Hợp đồng và giao Giám đốc Công ty ký kết đối với Hợp đồng bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt năm 2027 với cổ đông là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Đối với Hợp đồng và giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, Người đại diện phần vốn báo cáo Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN trước khi biểu quyết tại Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 10. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 đảm bảo trình tự, thủ tục đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và xin ý kiến Hội đồng thành viên Tổng công ty trước khi biểu quyết tại Hội đồng quản trị của Công ty (theo văn bản số 1269/ĐS-KTKT ngày 13/4/2026 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam).

Điều 11. Thông qua kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn, nhiệm kỳ 2026 – 2031

11.1 Kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2031

STT	Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Đạt tỷ lệ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
1	Uông Nhật Phương	2.809.797	99,9%
2	Đàm Ngọc Mẫn	2.809.797	99,9%
3	Đậu Trường Thành	2.809.797	99,9%

Tại cuộc họp HĐQT lần thứ nhất thống nhất bầu Ông Uông Nhật Phương là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2026 – 2031

11.2 Kết quả bầu cử Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031

STT	Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Đạt tỷ lệ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ngô Thị Loan	2.809.797	99,9%
2	Nguyễn Văn Dũng	2.809.797	99,9%
3	Thái Công Lộc	2.809.797	99,9%

Tại cuộc họp Ban Kiểm soát lần thứ nhất thống nhất bầu Bà Ngô Thị Loan là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2026 – 2031

Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông này được lập, công bố và thống nhất thông qua trước toàn thể cổ đông vào lúc 09h30 ngày 17/4/2026

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT HN;
 - Chủ tịch, TV HĐQT;
 - GD và các Phó GD;
 - Ban KS, các Phòng, các XN;
 - Lưu VT, TCHC, HĐQT.
- {

 - CBTT;
 - Website;
 - E-office

}

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỌA



Uông Nhật Phương

Số: 37 /BB – ĐHĐCĐ TTSG

TP. HCM, ngày 17 tháng 4 năm 2026

BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn

Địa chỉ: 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, TP.HCM

Mã số doanh nghiệp: 0301097524

Thời gian tổ chức Đại hội: Bắt đầu lúc 07h30 (thứ sáu), ngày 17/4/2026

Kết thúc lúc 09h30 (thứ sáu), ngày 17/4/2026

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn
số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, TP.HCM

Chương trình và nội dung Đại hội: (kèm theo)

A. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Tổng số cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền tham dự có mặt là 40 cổ đông đại diện cho 2.812.497 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 91,49 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

2. Đại biểu khách mời tham dự Đại hội:

- Ông: Diệp Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

B. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI

I. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành

Đại hội đã nghe Ông Đoàn Duy Khang – Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông công bố kết quả thẩm tra xác nhận tư cách cổ đông như sau:

- Tổng số cổ đông của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn: 272 cổ đông và tổng số cổ phần đang lưu hành là 3.074.100 cổ phần.

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.074.100

- Tổng số cổ đông được triệu tập tham dự Đại hội: 272 cổ đông, đại diện cho 100% số cổ phần có quyền biểu quyết

- Số đại biểu là cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền tham dự có mặt: 40 cổ đông đại diện cho 2.812.497 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 91,49% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội; được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

II. Bầu Đoàn Chủ tịch

Đại hội đã tiến hành bầu Đoàn Chủ tịch để điều hành Đại hội, sau khi nghe danh sách nhân sự dự kiến, 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch gồm các thành viên sau đây:

1. Ông Uông Nhật Phương – Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa
2. Ông Đàm Ngọc Mẫn – TV HĐQT, Giám đốc Công ty – Thành viên
3. Ông Đậu Trường Thành – TV HĐQT, TP.TCHC – Thành viên

III. Bầu Ban thư ký và Ban kiểm phiếu

Để giúp việc cho Đoàn Chủ tịch và thực hiện công tác kiểm phiếu của Đại hội, sau khi nghe danh sách dự kiến do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua Đoàn thư ký và Ban kiểm phiếu.

Đoàn thư ký gồm các thành viên sau đây:

1. Bà Ngô Thị Loan – Phó phòng TCKT - Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Văn Dũng – Phó Phòng KD, TV.BKS - Thành viên

Ban kiểm phiếu gồm các thành viên sau đây:

- | | | |
|--------------------------|------------------|--------------|
| 1. Bà Trần Thị Ánh Hoa | - Trưởng Ban KS | - Trưởng Ban |
| 2. Bà Lê Thị Hồng Huệ | - Phó phòng TCHC | - Phó Ban |
| 3. Bà Nguyễn Hồng Anh | - CV phòng TCHC | - Thành viên |
| 4. Bà Trần Thị Thu Hoài | - CV phòng TCHC | - Thành viên |
| 5. Ông Nguyễn Hoàng Long | - CV phòng KTAT | - Thành viên |
| 6. Ông Lê Quốc Huy | - CV phòng KTAT | - Thành viên |

IV. Thông qua chương trình nghị sự và Quy chế làm việc của Đại hội

Sau khi nghe Đoàn Chủ tịch công bố chương trình nghị sự và Quy chế làm việc của Đại hội, 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua chương trình nghị sự và Quy chế làm việc của Đại hội

V. Nội dung chính của Đại hội

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát

- Đại hội đã nghe Ông Đàm Ngọc Mẫn, TV HĐQT, Giám đốc Công ty, trình bày Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

- Đại hội đã nghe Ông Đậu Trường Thành, TV HĐQT, TP.TCHC, trình bày Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Đại hội đã nghe Bà Trần Thị Ánh Hoa, Trưởng Ban kiểm soát, trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban kiểm soát.

2. Các nội dung trình xin biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

2.1 Đại hội đã nghe Ông Đoàn Duy Khang, Kế toán trưởng Công ty trình bày các tờ trình:

- Tờ trình về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán NVA – Chi nhánh phía Bắc

- Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức, các quỹ năm 2025 và kế hoạch năm 2026

- Tờ trình về việc thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2026.

2.2 Đại hội đã nghe Ông Đậu Trường Thành, thành viên HĐQT, Trưởng phòng TCHC trình bày các Tờ trình:

- Tờ trình về việc thực hiện quỹ tiền lương, thù lao của người lao động và người quản lý Công ty năm 2025 và Kế hoạch năm 2026

- Tờ trình về việc thông qua nội dung Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn.

- Tờ trình Ủy quyền cho HĐQT quyết định các Hợp đồng và giao Giám đốc Công ty ký kết đối với hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo dưỡng kết cấu hạ tầng Đường sắt Quốc gia với cổ đông là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Đối với Hợp đồng khác có giá trị $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản Công ty. Người đại diện phần vốn báo cáo Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trước khi biểu quyết tại Hội đồng quản trị Công ty.

- Tờ trình về việc Ủy quyền cho HĐQT quyết định Kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định năm 2026 của Công ty.

3. Trình bày dự thảo Quy chế bầu cử và tiến hành bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031

3.1 Đại hội đã nghe Ông Ưông Nhật Phương, Chủ tịch HĐQT, trình bày dự thảo Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 và Tờ trình của HĐQT về việc giới thiệu, thông qua danh sách đề cử thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 đã được các cổ đông đề cử theo quy định

3.2 Đại hội đã nghe Bà Trần Thị Ánh Hoa, Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn bầu cử và tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031

VI. Thảo luận

- Đại hội đã tiến hành thảo luận về nội dung các Báo cáo, Tờ trình Đại hội. Đại hội đã thống nhất cao các nội dung trình bày, giải trình tại Đại hội.

VII. Biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình, các chỉ tiêu SXKD và tài chính chủ yếu trình Đại hội

Trên cơ sở các Báo cáo, Tờ trình và qua quá trình thảo luận, Đại hội đã tiến hành biểu quyết (bằng Thẻ biểu quyết) thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Tổng số phiếu hợp lệ: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu tán thành: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Tổng số phiếu hợp lệ: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu tán thành: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát

Tổng số phiếu hợp lệ: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu tán thành: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

4. Thông qua Tờ trình về Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán NVA – Chi nhánh phía Bắc (theo tờ trình Đại hội)

Tổng số phiếu hợp lệ: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu tán thành: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức, các quỹ năm 2025 và kế hoạch năm 2026 (theo tờ trình Đại hội)

Tổng số phiếu hợp lệ: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu tán thành: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

6. Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 (theo tờ trình Đại hội)

Tổng số phiếu hợp lệ: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu tán thành: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

7. Thông qua việc thực hiện quỹ tiền lương, thù lao của người lao động, quản lý Công ty năm 2025 và Kế hoạch năm 2026 (theo tờ trình Đại hội)

Tổng số phiếu hợp lệ: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu tán thành: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

8. Thông qua nội dung Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn (theo tờ trình Đại hội)

Tổng số phiếu hợp lệ: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu tán thành: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

9. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Hợp đồng và giao Giám đốc Công ty ký kết đối với Hợp đồng bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt năm 2027 với cổ đông là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Đối với Hợp đồng và giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản trong Báo cáo tài chính gần

nhất của Công ty, Người đại diện phần vốn báo cáo Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN trước khi biểu quyết tại Hội đồng quản trị Công ty (theo tờ trình Đại hội)

Tổng số phiếu hợp lệ: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu tán thành: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

10. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 đảm bảo trình tự, thủ tục đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và xin ý kiến Hội đồng thành viên Tổng công ty trước khi biểu quyết tại Hội đồng quản trị của Công ty (theo tờ trình Đại hội)

Tổng số phiếu hợp lệ: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu tán thành: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

11. Thông qua tờ trình bầu thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 và kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn nhiệm kỳ 2026 –2031

11.1 Thông qua tờ trình bầu thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031

Tổng số phiếu hợp lệ: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu tán thành: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần biểu quyết

Tổng số phiếu ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần biểu quyết

11.2 Kết quả bầu cử

11.2.1 Thành viên Hội đồng quản trị

Tổng số phiếu phát ra: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu thu về: 39 phiếu, đại diện cho 2.809.797 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu hợp lệ: 39 phiếu, đại diện cho 2.809.797 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu tán thành: 39 phiếu, đại diện cho 2.809.797 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần biểu quyết

Tổng số phiếu ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần biểu quyết

STT	Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Đạt tỷ lệ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
1	Uông Nhật Phương	2.809.797	99,9%
2	Đàm Ngọc Mẫn	2.809.797	99,9%
3	Đậu Trường Thành	2.809.797	99,9%

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật. Các Ông (Bà) có tên sau đã trúng cử vào Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2031:

- Ông Uông Nhật Phương
- Ông Đàm Ngọc Mẫn
- Ông Đậu Trường Thành

Tại cuộc họp HĐQT lần thứ nhất thống nhất bầu Ông Uông Nhật Phương là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2026 – 2031

11.2.2 Thành viên Ban Kiểm soát

Tổng số phiếu phát ra: 40 phiếu, đại diện cho 2.812.497 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu thu về: 39 phiếu, đại diện cho 2.809.797 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu hợp lệ: 39 phiếu, đại diện cho 2.809.797 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0, chiếm tỷ lệ 0% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu tán thành: 39 phiếu, đại diện cho 2.809.797 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9% số phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần biểu quyết

Tổng số phiếu ý kiến khác: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần biểu quyết

STT	Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Đạt tỷ lệ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ngô Thị Loan	2.809.797	99,9%
2	Nguyễn Văn Dũng	2.809.797	99,9%
3	Thái Công Lộc	2.809.797	99,9%

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật. Các Ông (Bà) có tên sau đã trúng cử vào Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031:

- Bà Ngô Thị Loan
- Ông Nguyễn Văn Dũng
- Ông Thái Công Lộc

Tại cuộc họp Ban Kiểm soát lần thứ nhất thống nhất bầu Bà Ngô Thị Loan là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2026 – 2031

VIII. BẾ MẠC ĐẠI HỘI:

1. Đại diện Đoàn thư ký Đại hội thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026: 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua

2. Thư ký Đại hội thông qua Biên bản Đại hội: 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua

3. Biên bản Đại hội được lập vào lúc 09h30 ngày 17/4/2026 ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn kết thúc chương trình nghị sự.

Biên bản này được lập thành (06) bản, có giá trị pháp lý như nhau, một (01) bản gửi Tổng công ty ĐSVN, năm (05) bản lưu tại trụ sở Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn

**TM. ĐOÀN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**



Ngô Thị Loan

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA**



Uông Nhật Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN



Luôn tin cậy bền vững

ISO 9001:2015

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2026

TP.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 2025 & KẾ HOẠCH SXKD 2026
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025

1. Thực hiện nhiệm vụ kế hoạch và chỉ tiêu

1.1 Các chỉ tiêu chung:

- Doanh thu 211,359 tỷ, đạt bằng 109.3% so với kế hoạch (đạt 120,3% so với năm 2024).

Trong đó:

+ Doanh thu BDTX: 143,795 tỷ

+ Doanh thu ngoài công ích: 67,564 tỷ

- Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu đạt 32%.

- Lợi nhuận trước thuế 8,882 tỷ, đạt 103% so với kế hoạch (bằng 103% so với năm 2024).

- Lợi nhuận sau thuế 6,865 tỷ, đạt 103,18% so với kế hoạch (tăng 103,18% so với năm 2024).

- Thu nhập bình quân người lao động: 16,20 triệu đồng/người/tháng, tăng 103,84% so với kế hoạch đầu năm.

- Cổ tức: trả tỷ lệ cổ tức/cổ phần 11%, đạt bằng kế hoạch đầu năm.

1.2 Kế hoạch BDTX, định kỳ:

a) **Khối lượng:** Hoàn thành 100% kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng Đường sắt. Tổng khối lượng sản phẩm thực hiện (*chi tiết xem Khoản I mục 1 Phụ lục*)

b) Doanh thu:

- Tỷ lệ thực hiện kế hoạch

: 100%

- Doanh thu BDTX

: 143,795 tỷ đồng

- Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch 2025

: 100,9%

- Tỷ lệ thực hiện so với năm 2024

: tăng 2,5%

- Thực hiện các yếu tố chi (*chi tiết xem Khoản I mục 2 Phụ lục*)

c) **Kiến trúc (SCTSCĐ nhóm II):** thực hiện và hoàn thành các công trình: sửa chữa nhà làm việc trụ sở nhà làm việc Cơ quan Công ty (sửa chữa hội trường, phòng truyền thống, phòng họp).

d) **Nhiệm vụ kế hoạch:** Xây dựng kế hoạch dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng Đường sắt năm 2025.

1.3 Công trình kinh doanh, dịch vụ: Doanh thu 67,564 tỷ, đạt 133,7% so với kế hoạch (bằng 191% so với năm 2024), trong đó:

- a) **Công trình:** thực hiện 24 công trình và hạng mục với doanh thu: 60,550 tỷ đồng (chi tiết xem Khoản I mục 3.1 Phụ lục).
- b) **Dịch vụ:** doanh thu 6,510 tỷ đồng (chi tiết xem Khoản I Mục 3.2 Phụ lục).
- c) **Doanh thu khác:** 0,504 tỷ đồng.

1.4 Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025 (nguồn vốn hợp pháp của Công ty)

- Kế hoạch xây dựng xưởng TTTH Hiệp Bình Phước tại địa chỉ QL13, phường HBP, TP.Thủ Đức, TP.HCM năm 2025 chưa thực hiện được do thủ tục chuyển đổi tên quyền sở hữu đất từ Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn sang Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn vừa mới hoàn tất.

- Thực hiện trang bị xe ô tô 7 chỗ để phục vụ công tác điều hành, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu công tác SXKD; công tác cứu chữa, giải quyết trở ngại khi có thiên tai, sự cố nhằm đảm bảo an toàn chạy tàu trên địa bàn Công ty quản lý.

2. Công tác kỹ thuật – an toàn

2.1. Thực hiện hoàn thành & vượt các chỉ tiêu Kỹ thuật chất lượng:

- Chất lượng duy tu thiết bị: 99,65% (chỉ tiêu $\geq 98,50\%$).
- Hiệu suất thiết bị thông tin tín hiệu: 99,93% (chỉ tiêu $\geq 99\%$), trong đó HSKT^{TT}: 99,98%; HSKTTH: 99,89%.

- Cụ thể trong năm 2025, toàn Công ty:

o Đường dây và thiết bị thông tin: không có vụ việc hư hỏng gây gián đoạn.

o Thiết bị tín hiệu:

+ Không liên quan tới các vụ tai nạn chạy tàu do chủ quan gây ra;

+ Chậm tàu: 0 vụ (chỉ tiêu ≤ 3 vụ, < 90 phút);

+ Độ ổn định ĐN CBTĐ: 99,98% (chỉ tiêu $\geq 99,95\%$).

+ Hư hỏng thiết bị: 216 vụ (tăng 116 vụ so với năm 2024)

* Liên đới trách nhiệm (công nhân trực TTTH) trong vụ trật bánh toa xe 131515 trong đoàn tàu HH182 tại ghi N102 ga Ngã Ba ngày 26/11/2025;

2.2. Thực hiện các chủ trương kỹ thuật

- Xây dựng và thực hiện tốt công tác đảm bảo trật tự ATCT, ATGTĐS, ANTT, PCCN trong dịp Tết Dương lịch, Tết Ất Tỵ và Lễ hội Xuân năm 2025, Giỗ tổ Hùng Vương, Lễ 30/4 và 01/5, Lễ Quốc khánh 02/9;

- Thực hiện các nội dung giải pháp thực hiện tốt Chỉ thị số 01/CT-ĐS ngày 02/01/2025 của Tổng công ty ĐSVN về việc đảm bảo an toàn chạy tàu, trật tự an toàn giao thông đường sắt năm 2025; Kế hoạch hành động số 25/KH-TTSG ngày 10/01/2025 của Công ty về công tác đảm bảo an toàn chạy tàu, trật tự an toàn giao thông đường sắt năm 2025;

- Tổ chức thực hiện Chỉ thị 22/CT-TTg ngày 18/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp đảm bảo TTATGT ĐS trong tình hình mới.

- Xây dựng, triển khai thực hiện tốt 02 chương trình kỹ thuật trọng tâm năm 2025:

- Nâng cao chất lượng, đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống thiết bị tín hiệu đường ngang cảnh báo tự động;
- Cập nhật, bổ sung đầy đủ và số hóa hồ sơ quản lý thiết bị thông tin tín hiệu.
- Thực hiện tốt phương án phòng chống lụt, bão; ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn năm 2025 (theo Phương án số 297/PA-TTSG ngày 08/4/2025) trong mùa bão lũ; cứu chữa, khắc phục bước 1 hậu quả thiệt hại do bão số 13 (KALMAEGI) gây ra và cứu chữa khắc phục bước 1 hậu quả thiệt hại do mưa lũ gây ra từ ngày 17/11/2025.
- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các cấp, đảm bảo chất lượng, nâng cao công tác quản lý thiết bị Thông tin tín hiệu ga, đường ngang có gác và đường ngang CBTĐ. Đặc biệt là thiết bị khống chế và ĐN CBTĐ;
- Thực hiện các nội dung về hành lang an toàn thiết bị TTTH (đảm bảo an toàn thiết bị, hồ sơ quản lý...); Phối hợp với các đối tác viên thông tin tổ chức phát quang dọc tuyến đường dây trần thông tin phòng chống cháy trong mùa khô;
- Chủ động phối hợp với các đoàn kiểm tra công tác đảm bảo ATGTĐS của Cục ĐSVN, Tổng Cty ĐSVN, địa phương;
- Xây dựng chương trình, tổ chức Hội nghị an toàn chạy tàu và giảm sự cố, trở ngại thiết bị TTTH (tháng 04/2025);
- Thực hiện 24 sáng kiến hợp lý hóa sản xuất;
- Triển khai thực hiện chương trình hành động thực hiện NQ 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH-CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Thực hiện tốt vai trò quản lý khi các đơn vị trong và ngoài ngành thực hiện thi công các dự án hạ tầng đường sắt, chủ động phối hợp xử lý, khắc phục hậu quả các vụ việc tai nạn chạy tàu.
- Tổ chức Hội nghị phổ biến, hướng dẫn và quán triệt thực hiện Quy trình bảo trì KCHT ĐS Quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 281/QĐ-CĐSVN ngày 30/6/2025 của Cục ĐSVN.
- Tổ chức các lớp đào tạo nâng cao tay nghề nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho toàn thể cán bộ, công nhân viên toàn công ty;
- Thống nhất phối hợp giải quyết các vấn đề có liên quan Viettel, FPT, CMC...

II. KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

1. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh

1. Chỉ tiêu cụ thể năm 2026:

- Doanh thu: 232,495 tỷ đồng (tăng 10% so với thực hiện năm 2025).
Trong đó:
- + Doanh thu BDTX: 143,795 tỷ đồng
- + Doanh thu ngoài công ích: 88,700 tỷ đồng
- Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu là 38,2%.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 8,882 tỷ đồng (bằng so với thực hiện năm 2025).
- Lợi nhuận sau thuế đạt 6,865 tỷ đồng (bằng so với thực hiện năm 2025).
- Cổ tức $\geq 11\%$

- Thu nhập $\geq 17,82$ triệu đồng/người/tháng (tăng 10% so với thực hiện năm 2025).

2. Nhiệm vụ kế hoạch

2.1. Kế hoạch QLBDTX KCHT đường sắt:

a) Khối lượng danh mục sản phẩm:

- Đường truyền tải	:	630,660 Km.tr
- Trạm thông tin	:	18,000 Hệ thống
- Thông tin Tín hiệu ga	:	60,000 Hệ thống
- Thông tin, tín hiệu ĐNCG cầu chung, thông tin điểm cảnh giới	:	156,000 Hệ thống
- Tín hiệu đường ngang CBTĐ	:	174,000 Hệ thống
- Trung tâm giám sát TTTH	:	1,000 Hệ thống
- Trạm kiểm tu, nguồn	:	8,000 Hệ thống

b) Doanh thu 143,795 tỷ đồng (bằng so với thực hiện năm 2025).

2.2. Kế hoạch công trình SXKD, dịch vụ: dự kiến doanh thu: 88,700 tỷ đồng

a) Công trình SXKD: Thực hiện 8 công trình và hạng mục với doanh thu dự kiến 82,400 tỷ đồng (chi tiết xem Khoản II mục 1 Phụ lục).

b) Hoạt động kinh doanh, dịch vụ: doanh thu dự kiến 6,3 tỷ đồng (chi tiết xem Khoản II mục 2 Phụ lục).

- Tập trung hoàn thành các gói thầu, công trình, dự án còn lại năm 2025.
 - Thực hiện các dự án công trình theo kế hoạch năm 2026 tích cực tìm kiếm các hạng mục, công trình đảm bảo mục tiêu tăng trưởng và thu nhập người lao động năm 2026 từ 10% trở lên.

- Đẩy mạnh rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, tiếp tục hợp tác các khu vực nhà đất, tài sản của Công ty đúng quy định, đạt hiệu quả.

2.3. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026: (từ nguồn vốn hợp pháp của Công ty)

- Xây dựng công trình “Văn phòng làm việc tại 325 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình TP. HCM (công trình chuyển tiếp năm 2025 hợp tác với đối tác của Công ty)

- Nâng cấp, sửa chữa nhà, phương tiện, máy móc, thiết bị.

- Trang bị 01 xe ô tô 07 chỗ cho Xí nghiệp TTTH Phú Khánh (phục vụ SXKD và điều hành giải quyết trở ngại, sự cố thiết bị TTTH.

- Trang bị 03 máy đo OTDR sợi quang.

- Trang bị 03 máy định vị tuyến cáp đồng, cáp quang.

3. Công tác kỹ thuật - an toàn

3.1 Một số chỉ tiêu kỹ thuật, chất lượng:

- Đảm bảo ATCT, ATLĐ, PCCN 100%
 - Chất lượng duy tu thiết bị > 98,5%, phần đầu lớn hơn hoặc bằng năm 2025 ($\geq 99,47\%$).

- Hiệu suất khai thác thiết bị > 99,00%, phần đầu lớn hơn hoặc bằng năm 2024 ($\geq 99,93\%$).

- Độ ổn định ĐN CBTĐ > 99,95%, phần đầu lớn hơn hoặc bằng năm 2025 ($\geq 99,99\%$).
- Sự cố gây chậm tàu: ≤ 9 vụ, thời gian < 90 phút (mỗi XN ≤ 3 vụ, thời gian < 20 phút (tại ga có sự cố gây chậm tàu), phần đầu giảm tối đa trở ngại gây chậm tàu.
- Không liên quan tới các vụ tai nạn chạy tàu do chủ quan gây ra.

3.2 Các nhiệm vụ khác:

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch 02 chương trình kỹ thuật trọng tâm năm 2026:
 - Nâng cao chất lượng, đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống thiết bị tín hiệu đường ngang cảnh báo tự động (tiếp tục thực hiện các nội dung chưa thực hiện được trong năm 2025);
 - Số hóa công tác quản lý trạng thái kỹ thuật tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và công tác lập – thực hiện kế hoạch tác nghiệp thuộc phạm vi quản lý của công ty.
 - Tiếp tục công tác kiểm tra, xử lý suy hao, củng cố đường cáp, mốc cáp, bệ cáp... đảm bảo chất lượng hiệu quả khai thác tuyến cáp quang đường sắt để đáp ứng yêu cầu SXKD và hợp tác với đối tác;
 - Tiếp nhận và đưa vào quản lý, bảo trì KCHT đối với các dự án công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng;
 - Ổn định hoạt động hệ thống giám sát từ xa ĐNCBTĐ và camera giám sát tập trung đảm bảo yêu cầu;
 - Triển khai thực hiện phương án, sổ tay phòng chống lụt bão, ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn năm 2026;
 - Cập nhật, bổ sung khối lượng, hồ sơ quản lý kỹ thuật các thiết bị thay thế, sửa chữa, xây dựng mới năm 2026;
 - Tổ chức thực hiện chương trình hành động số 681/CTHĐ-TTSG ngày 20/6/2025 của Công ty và thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
 - Kiểm tra, phối hợp thực hiện Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 v/v quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Đường sắt và Quy chế phối hợp giữa Bộ XD và UBND các tỉnh, thành phố, xử lý đảm bảo tầm nhìn các hệ tín hiệu, và hành lang an toàn thiết bị TTTH; lập hồ sơ quản lý và kế hoạch đảm bảo hành lang an toàn giao thông đường sắt;
 - Tổ chức Hội nghị an toàn chạy tàu và giảm sự cố, trở ngại thiết bị năm 2026;
 - Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, quán triệt thực hiện nội dung Quy trình bảo trì mới;
 - Thực hiện tổ chức tuyên truyền bảo vệ HLATGTĐS;
 - Thực hiện tốt vai trò quản lý bảo trì thiết bị TTTH khi thi công các dự án công trình trong phạm vi bảo vệ KCHTĐS; Thực hiện, chủ động phối hợp điều tra, khảo sát, thiết kế, lập phương án kỹ thuật và giám sát các công trình trong, ngoài ngành đáp ứng yêu cầu;

- Thống nhất phối hợp giải quyết tốt các vấn đề có liên quan SCTV, Viettel, HTC, FPT, CMC...

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác thường trực, kiểm tra, giám sát phát hiện kịp thời các vụ việc hư hỏng thiết bị, sự cố tai nạn trên đường ngang CBTĐ đảm bảo ATCT (Trung tâm GSDN).

- Đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường sắt. Thành lập Ban KHCN trẻ Công ty.

4. Một số biện pháp chủ yếu:

- Xem xét, điều chỉnh tổ chức sản xuất phù hợp (các tổ sản xuất, Xí nghiệp...); thực hiện tốt các nội dung về quy hoạch, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ; tuyển dụng bổ sung, sắp xếp đào tạo lao động đảm bảo đầy đủ, chất lượng (đặc biệt là các kỹ sư, cử nhân chuyên ngành TTTH và CNTT).

- Xây dựng các kế hoạch BDTX, SXKD dịch vụ, tiền lương... tổ chức điều hành kiên quyết và thường xuyên kiểm soát chặt chẽ để việc thực hiện theo đúng Quy định, Quy chế.

- Tập trung tạo mọi nguồn lực (tài chính, lao động và công nghệ) thực hiện hoàn thành các dự án công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả (trong đó trọng tâm thuộc công trình Sửa chữa hệ thống tín hiệu ga Từ Sơn, ga Lim, ga Sen Hồ, tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng; công trình Xây dựng đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa - Phần TTTH; các dự án với địa phương và tăng cường quan hệ tìm kiếm công ăn việc làm mới).

- Rà soát, bổ sung, sửa đổi các Quy định, quy chế, các định mức chi phí trực tiếp trong BDTX và thi công công trình; đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, công trình; nghiệm thu và hoàn tất các thủ tục thanh toán, thu hồi vốn khi công trình xây dựng hoàn thành. Tăng cường công tác kiểm soát, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ tồn đọng, nợ quá hạn, nợ khó đòi, đảm bảo an toàn tài chính.

- Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ KHCN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong SXKD, phát huy tính thực chất của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, làm cho hệ thống này là công cụ, phương tiện hoạt động, quản trị hỗ trợ mạnh mẽ SXKD và khẳng định thương hiệu Công ty.

- Tăng cường cơ sở vật chất Công ty; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; thực hiện chính sách chất lượng, thưởng và các chế độ đảm bảo đúng qui định, công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng công việc nhằm tạo động lực để người lao động phát huy sáng tạo trong công việc; thực hiện nghiêm Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

- Phát động các phong trào thi đua hiệu quả; có cơ chế khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích mang lại lợi ích cho Công ty cũng như xử lý thích đáng các vi phạm.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm người đứng đầu các cấp, chất lượng chuyên môn nghiệp vụ và hiểu biết pháp luật ở từng vị trí công tác; siết chặt kỷ cương, nề nếp. Thực hiện nghiêm mệnh lệnh sản xuất, hài hòa trong quan hệ công việc, sinh hoạt. Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền đi đôi với việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ để đảm bảo đúng các chế độ quy định, quy chế.

- Tiếp tục quan tâm quyết liệt bám để hoàn thiện các thủ tục pháp lý nhà, đất của Công ty và hợp tác, khai thác hiệu quả (khu đất phường Hiệp Bình, 86 Nguyễn Thông, Bình Thuận, Tuy Hòa...).

- Xây dựng mở rộng các mối quan hệ với địa phương, các đối tác và tranh thủ sự quan tâm, tạo điều kiện của Tổng công ty ĐSVN, Cục ĐSVN, Bộ XD.

- Tiết kiệm trong tất cả các chi phí, đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, đúng định mức, đúng mục đích. Giảm tối đa chi phí hội họp, đi công tác, mua sắm trang thiết bị văn phòng, quảng cáo, điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, sửa chữa phương tiện... góp phần giảm chi phí sản xuất. Khuyến khích người lao động thực hiện tốt Quy định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Duy trì và sưu tầm thêm hiện vật thiết bị TTTT cũ, nâng cấp phòng truyền thống Công ty.

- Tổ chức Hội thao truyền thống Công ty và tham gia Hội thao Cụm khu vực.

- Tổ chức tham quan du lịch trong nước và nước ngoài.

- Xây dựng kế hoạch Đường tàu, Đường hoa năm 2026.

Giữ vững đoàn kết tạo sự đồng thuận cao, mối quan hệ, sự phối hợp chặt chẽ hiệu quả trong lãnh đạo chuyên môn; giữa các phòng, xí nghiệp; giữa chuyên môn và các đoàn thể dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng ủy Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2026.

Nơi nhận:

- Cổ đông (Website);
 - Chủ tịch, các TV HĐQT;
 - Giám đốc, các Phó GD;
 - Trường Ban KS;
 - Các phòng, các XN,
 - Lưu VT, TCHC.
- { e-office }



Đàm Ngọc Mẫn

PHỤ LỤC

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2025

1. Về khối lượng sản phẩm:

- Hệ thống truyền tải	:	630,660 Km.Tr	đạt tỷ lệ 100%
- Trạm tổng đài	:	81,000 Trạm	đạt tỷ lệ 100%
- Tín hiệu ra vào ga	:	1.576,000 Hệ	đạt tỷ lệ 100%
- Thiết bị khống chế	:	435,000 Bộ	đạt tỷ lệ 100%
- Thiết bị điều khiển	:	308,000 Đài	đạt tỷ lệ 100%
- Cấp tín hiệu	:	2.101,555 Km.sợi	đạt tỷ lệ 100%
- Thiết bị nguồn điện	:	6,000 Cung	đạt tỷ lệ 100%

2. Về chi phí sản xuất:

- Lương	:	65.356.119.802 đồng
- VL+NL+DL+TN	:	37.621.428.499 đồng
- Chi phí chung	:	32.678.059.901 đồng
- Chi phí lợi nhuận	:	8.139.336.492 đồng
- Thuế giá trị gia tăng	:	11.503.595.576 đồng
Tổng cộng	:	155.298.540.270 đồng

3. Các công trình SXKD, dịch vụ: 67,56 tỷ đồng

3.1. Các công trình kinh doanh: 60,55 tỷ đồng

STT	Tên công trình, dự án	Doanh thu
1	Bảo trì, trực hệ thống TTTH ĐN Km1288+320, thuộc xã Lộc Ninh, Khánh Hòa (Hồng 107/2024/HĐKT/ADC-TTSG, HSDT 1249)	139.717.715
2	Gói XL-NTSG2-02: Cải tạo, nâng cấp Km1454+917-Km1613+510 thuộc Bình Thuận - Khu gian Vĩnh Hảo-Sông Lòng Sông & Châu Hanh-S.Lũy (DT 439, 440, Long Hưng)	538.996.756
3	Gói XL-NTSG2-01: Cải tạo, nâng cấp đoạn Km1381+930 - Km1419+500 thuộc Ninh Thuận - HM TTTH Kà Rôm - Phước Nhơn (Cty CT3, DT 369, 370 & 269, 270A)	649.438.182
4	Gói XL-VNT2-03: Cải tạo, nâng cấp đoạn Km1241+990-Km1314+930 thuộc tỉnh Khánh Hòa (HSDT 431, DT 432 – Cty CP TCty Công trình ĐS)	1.277.316.111
5	Gói XL-NTSG2-01: Cải tạo, nâng cấp Km1381+930 -Km1419+500 thuộc Ninh Thuận – Khu gian Phước Nhơn-T.Chàm & TC &-Hòa Trinh (Cty Long Hưng, DT435, 436)	24.306.545
6	Di dời TTTH ĐS nằm trong phạm vi GPMB đoạn Quy Nhơn-Chí Thạnh (Km1099+500) - Dự án XD công trình đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông 2021-2025	1.090.304.630
7	Gói XL-VNT2-02: Cải tạo, nâng cấp đoạn Km688+320-Km1197+520 - Phần TTTH khu gian Chí Thạnh - Hòa Đa (HSDT 115, DT 116 – Cty CPĐS QN-Đà Nẵng)	171.667.629
8	Gói XL-NTSG2-02: Cải tạo, nâng cấp đoạn Km1454+917-Km1613+510 thuộc Bình Thuận -Phần TTTH đoạn Suối Vận- Sông Phan (DT 111, 112-Cty ĐS Vĩnh Phú)	1.063.223.915
9	Gói thầu XL-NTSG2-03 - HM: TTTH khu gian Trảng Táo-Gia Ray, Ga Dĩ An, Sóng Thần (HSDT 289 & 1345, DT 290_Cty ĐTCT Hà	4.937.761.392

STT	Tên công trình, dự án	Doanh thu
	Nội)	
10	Bảo trì hệ thống tín hiệu ĐN CBTĐ Km1114+776 (Hồ sơ DT 388 ngày 20/5/2024)	149.165.244
11	Gói thầu XL-NTSG2-03 - HM: TTTH khu gian Trảng Táo-Gia Ray đoạn Km 1620+300 – Km1625+625 (HSDT 285, Dự toán 286 – Cty CP ĐS Sài Gòn)	449.920.045
12	Di dời TTTH ĐS Km1276+178 – Gói thầu Di dời các công trình HTKT – Dự án Đầu tư XD đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Mê Thuột – Giai đoạn 1	934.498.148
13	Gói XL-VNT2-02: Cải tạo, nâng cấp đoạn Km688+320-Km1197+520 - Phần T3H khu gian La Hai-Chí Thạnh (HSDT 1365, DT 1366, Cty CPĐS Nghĩa Bình)	73.160.213
14	Gói thầu 01- DA Sửa chữa đột xuất ĐBAT, dịch chuyển vị trí thiết bị phát hiện đoàn tàu tại các ĐN (HSDT 1356/DT, 96/DTĐC, Hđồng 28/2024/HĐXD)	3.528.076.028
15	Xây dựng đường trên kênh T4 - Địa điểm: Phường Tân Đông Hiệp & Dĩ An -Gói thầu: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị (hợp đồng 168/2024/HĐXD)	4.621.693.688
16	Gói thầu 01 - Dự án: Sửa chữa, thay thế thiết bị điều khiển ga Dầu Giây - Km1661+320 (HSDT 126 & 685)	5.969.497.955
17	Gói thầu 03 -DA Sửa chữa ĐS đoạn Km1650-Km1652; Km1654-Km1656; Km1657-Km1660 (HSDT 1516A, DT 1519A – Hợp đồng 1121/2024/HĐTP/ĐSSG-TTSG)	677.571.304
18	Gói thầu 03 -DA Sửa chữa ĐS đoạn Km1650-Km1652; Km1654-Km1656; Km1657-Km1660 (HSDT 1515A, DT 1517A – Hợp đồng 84/2024/HĐTP, Cty ĐS T/Hải)	308.978.795
19	Gói thầu 03 -DA Sửa chữa ĐS đoạn Km1696+000 - Km1697+325 (Hợp đồng 410/2025/HĐTP/ĐSSG-TTSG, HSDT 350, DT 351)	868.065.265
20	Hạng mục Thi công Phần TTTH cống nước chui qua ĐS tại Km1390+247 (Hợp đồng 01/2025/HĐTC ngày 10/3/2025 – Dự toán TKTC 176)	200.691.861
21	Gói 01- DA Sửa chữa, bổ sung đầy đủ hệ thống tín hiệu tại các đường ngang: Km1359+570, Km1369+421, Km1410+833, Km1416+716, Km1422+400, Km1637+175 (G8)	14.020.123.994
22	Gói 01- DA Sửa chữa, bổ sung đầy đủ hệ thống tín hiệu tại các đường ngang: Km1648+490, Km1670+020, Km1696+458, Km1708+496, Km1709+600, Km1721+838, Km1722+661 (G9)	6.852.684.782
23	Gói 01- DA Sửa chữa, bổ sung đầy đủ hệ thống tín hiệu tại các đường ngang: Km1139+870, 1188+200, 1242+316, 1308+800, 1312+815, 1316+330, 1333+640, 1350+920 (G7)	9.829.751.773
24	Cung cấp DV sự nghiệp công quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia sử dụng nguồn thu khai thác TS KCHTĐS	2.177.592.905
	Tổng cộng	60.554.204.875

3.2. Doanh thu Dịch vụ: 6,51 tỷ đồng

STT	Nội dung	Doanh thu
-----	----------	-----------

1	Dịch vụ điện, nước dùng chung (dùng từ 2018)	715.092.859
2	Dịch vụ phòng máy	1.034.800.000
3	Hợp tác kinh doanh	4.760.424.814
Tổng cộng		6.510.317.673

4. Các chỉ tiêu kỹ thuật

TT	Tên sản phẩm	Sài Gòn	Thuận Hải	Phú Khánh	Công ty
I	Chất lượng duy tu	99,64	99,70	99,61	99,65
1	Đường truyền tải	99,86	99,81	99,85	99,84
2	Trạm & Tổng đài	99,87	100,00	99,89	99,92
3	Tín hiệu ra, vào ga	99,71	99,72	99,74	99,73
4	Thiết bị khống chế	99,21	98,98	98,99	99,06
5	Thiết bị điều khiển	99,47	99,74	99,74	99,65
6	Cấp tín hiệu	99,57	99,79	99,49	99,62
7	Thiết bị nguồn điện	99,79	99,83	99,60	99,74
II	Hiệu suất TBTT	99,43	99,41	99,44	99,43
	Hiệu suất TBTH	99,35	99,37	99,42	99,38
1	Hiệu suất quản lý	98,86	98,83	98,93	98,87
2	Hiệu suất KTTT	100,0	100,0	99,95	99,98
3	Hiệu suất KTTH	99,84	99,91	99,91	99,89
III	Chất lượng thiết bị	99,51	99,54	99,52	99,52
1	Đường truyền tải	99,64	99,61	99,64	99,63
2	Trạm & Tổng đài	99,65	99,70	99,66	99,67
3	Tín hiệu ra, vào ga	99,53	99,55	99,58	99,55
4	Thiết bị khống chế	99,28	99,18	99,21	99,22
5	Thiết bị điều khiển	99,41	99,55	99,58	99,51
6	Cấp tín hiệu	99,46	99,58	99,45	99,50
7	Thiết bị nguồn điện	99,57	99,60	99,51	99,56

II. Tổng doanh thu năm 2026: 232,495 tỷ đồng

1. Doanh thu BDTX: 143,795 tỷ đồng

2. Doanh thu (dự kiến) công trình SXKD, DV: 88,7 tỷ đồng

2.1. Doanh thu các công trình kinh doanh: 82,73 tỷ đồng

STT	Tên công trình, dự án
1	Tên dự án (công trình): Sửa chữa hệ thống tín hiệu ga Từ Sơn, ga Lim, ga Sen Hồ, tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng.
2	Công trình: Sửa chữa, cải tạo đường ngang km1400+775, km1534+487, tuyến Đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh

STT	Tên công trình, dự án
3	Hạng mục: Di dời đường dây Thông tin tín hiệu đường sắt tại Km1502+310, tuyến Đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh
4	Xây dựng đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa - Phần TTTH
5	Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia sử dụng nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt
6	phần TTTH - Gói thầu số 12 (xây dựng): Nút giao số 2 (Km0+787.5 đến Km1+612.5) và cầu đường sắt, tín hiệu thông tin liên lạc đường sắt, đèn bù chậm tàu và thiệt hại do phong tỏa trong quá trình thi công và công tác đảm bảo an toàn giao thông thuộc Dự án: Đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh
7	Bảo trì hệ thống tín hiệu tại đường ngang Km 1288+320, tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Lộc Ninh, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
8	Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường ngang Đường sắt Bắc Nam (công 14) (Di dời thiết bị TTTH Km 1707+820 tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh) thuộc dự án: Xây dựng (đã bao gồm đảm bảo an toàn giao thông và đèn bù chậm tàu).
Tổng cộng	

2.2. Doanh thu dịch vụ: 6,3 tỷ đồng

TT	Tên dịch vụ
1	Dịch vụ phòng máy CMC
2	Dịch vụ phòng máy HTC
3	Dịch vụ phòng máy SCTV
4	Hợp đồng hợp tác khu đất phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh với Công ty G7S
5	Hợp đồng hợp tác khu nhà, đất 23 Thái Nguyên, Phường Nha Trang, Khánh Hòa
6	Hợp đồng hợp tác với Cty TNHH Mạnh Hùng tòa nhà 23 Trần Phú, TX Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
7	Hợp đồng hợp tác với Công ty Imas tầng trệt tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh
8	Hợp đồng hợp tác với Công ty Ý Tưởng Mộc tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh
9	Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH Trung Thanh Hải tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh
10	Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH kiến trúc xây dựng và thiết kế nội thất Tropical house tầng trệt tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh

TT	Tên dịch vụ
11	Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH Công nghệ cao Hải Lộc Audio tầng 1 tòa nhà 01 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh
12	Hợp đồng hợp tác với cá nhân ông Trần Thanh Điền 86 Nguyễn Thông, P9, Q3, TP. Hồ Chí Minh
13	Hợp đồng cho thuê lắp đặt trạm BTS với Viettel Tp. HCM tại số 01 Nguyễn Thông, P9, Q3
14	Hợp đồng cho thuê lắp đặt trạm BTS với TT Mobifone miền Nam tại số 01 Nguyễn Thông, P9, Q3

TP.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2025
Và chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2026-2030
(Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026)**

Thực hiện Điều Lệ Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn; Nghị quyết số 24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty và các Nghị quyết, quyết định, kết luận của HĐQT năm 2025, Hội đồng quản trị báo cáo kết quả thực hiện năm 2025 cụ thể như sau:

I. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

1. Cơ cấu thành viên HĐQT:

1.1 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn gồm:

- Ông Ưông Nhật Phương - Chủ tịch HĐQT
- Ông Đàm Ngọc Mẫn - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.
- Ông Đậu Trường Thành – Thành viên HĐQT, TP.TCHC

1.2. Tiền lương, thù lao của người quản lý:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tiền lương	Năm 2025		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	
	Quỹ lương, thù lao người quản lý	2,307	2,442	Lợi nhuận sau thuế tăng, nên tiền lương NQL tăng.
-	Quỹ lương người quản lý	2,253	2,388	
-	Thù lao NQL không chuyên trách	54	54	

2. Tổng kết các cuộc họp & các Quyết định của HĐQT

- Trong năm, Hội đồng quản trị (HĐQT) tổ chức 14 phiên họp gồm các phiên thường kỳ (05 phiên) và họp mở rộng (09 phiên); thực hiện 19 lần phiếu lấy ý kiến, biểu quyết bằng văn bản về các lĩnh vực hoạt động quản lý, điều hành của Công ty;

- HĐQT đã trực tiếp thảo luận, phê duyệt tờ trình của Giám Đốc, quyết định các nội dung, các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; các cuộc họp của HĐQT đều có Giám đốc Công ty tham dự.

- HĐQT đã ban hành 14 Nghị quyết; 13 quyết định về các lĩnh vực quản lý, hợp tác sản xuất kinh doanh, công tác tổ chức cán bộ... Ngoài các Nghị quyết, Quyết định về công tác thường kỳ, HĐQT đã thực hiện 19 thông báo, văn bản cho ý kiến

chấp thuận đề xuất của Ban Điều hành và xin ý kiến cổ đông, kết luận một số nội dung, công việc quan trọng khác như:

+ Thực hiện chủ trương, công tác quy hoạch cán bộ, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT;

+ Chấp thuận về việc ký hợp đồng thi công công trình; sửa chữa đột xuất, cứu chữa bão, lụt, củng cố thiết bị giám sát các đường ngang, tuyến ĐS Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh, lựa chọn đối tác hợp tác kinh doanh khu vực nhà, đất của Công ty.

+ Phê duyệt các kế hoạch và kế hoạch điều chỉnh chi phí quản lý bảo dưỡng thường xuyên KCHT ĐS; kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương; bổ sung, điều chỉnh phạm vi các Xí nghiệp; phê duyệt hình thức và phương thức cung ứng vật tư, phụ kiện thiết bị để bảo trì kết cấu hạ tầng Đường sắt năm 2025; thủ tục ký kết các hợp đồng mua sắm vật tư, các Hợp đồng QL BDTX KCHT ĐS; Hợp đồng trang bị các phương tiện, máy móc, dự án từ nguồn vốn hợp pháp của Công ty. Trong các phiên họp, tất cả các thành viên HĐQT, trưởng Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ. Phiên họp mở rộng, thành phần tới Ban điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán Trưởng và các Trưởng phòng tham dự.

+ Phê duyệt lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

+ Chấp thuận ban hành báo cáo tài chính hàng quý, năm; chấp thuận kế hoạch trích lập dự phòng tài chính.

+ Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành được thực hiện thông qua các Thông báo, kết luận tại các phiên họp HĐQT mở rộng, các ý kiến trao đổi trực tiếp, báo cáo, giải trình kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Ban Điều hành và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động tại các phiên họp định kỳ, các Hội nghị giao ban tháng, quý. Các nội dung kết luận được triển khai thực hiện, đã kịp thời giải quyết, điều chỉnh, tháo gỡ nhiều khó khăn, tồn tại như vấn đề Trích lập quỹ dự phòng tài chính, giải quyết công nợ tồn đọng, vấn đề giải quyết nâng hạn mức vay vốn ngân hàng phục vụ sản xuất kinh doanh...; điều chỉnh sử dụng hợp lý lao động các phòng, các Xí nghiệp, gắn trách nhiệm của cá nhân với việc khắc phục, xử lý chậm các tồn tại; các Nghị quyết, kết luận của HĐQT hàng quý đã bám sát, chỉ đạo kịp thời hoạt động SXKD của Công ty.

3. Đánh giá của HĐQT về kết quả hoạt động của Công ty năm 2025

3.1 Chỉ đạo thực hiện hoàn thành tốt KH SXKD năm 2025

- Thực hiện 100% các nội dung công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên KCHT ĐS, các công trình SXKD; đảm bảo chất lượng, tiến độ, mỹ quan các công trình, dự án (đặc biệt là các công trình thuộc dự án 7000 tỷ (phần còn lại), 3.000 tỷ; bổ sung đầy đủ hệ thống TTTH tại các đường ngang có gác tuyến đường sắt Hà Nội – Tp. HCM).

- Ứng phó, cứu chữa, khắc phục kịp thời những thiệt hại do cơn bão số 13 (KALMAEGI) gây ra từ km 1095+540 đến km 1235+070 và do mưa lũ kéo dài gây ra ngày 17/11/2025 từ km 1095+540 đến km 1377+500 tuyến đường sắt Hà Nội-TP. Hồ Chí Minh.

- Các chỉ tiêu về kinh tế kỹ thuật, thu nhập đời sống của người lao động đều đạt và vượt so với kế hoạch.
- Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, giảm sự cố, trở ngại, không có tai nạn chạy tàu.
- Thực hiện đồng bộ các chủ trương kỹ thuật trọng tâm năm 2025 nâng cao chất lượng hoạt động thiết bị TTTT; công tác kiểm tra giám sát, xử lý giải quyết giảm trở ngại thực hiện đầy đủ, thực chất, hoàn thành các chỉ tiêu.

3.2 Các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

- Tập trung thực hiện hoàn thành các gói thầu, các Dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP.Hồ Chí Minh thuộc dự án 7000 tỷ, 3000 tỷ.
- Doanh thu 67,564 tỷ đồng, đạt 133,7% so với kế hoạch, đạt 191% so với năm 2024. Trong đó thực hiện 24 công trình và hạng mục với doanh thu: 60,550 tỷ đồng; doanh thu hoạt động dịch vụ đạt 7,014 tỷ đồng.
- Tích cực bám các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục pháp lý xây dựng xưởng TTTT Hiệp Bình Phước tại địa chỉ Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP.HCM.
- Ban hành danh mục và giá thành sản xuất phụ kiện các sản phẩm TTTT tự sản xuất năm 2025.

3.3 Các Chỉ tiêu thực hiện

- Doanh thu 211,359 tỷ, đạt bằng 109,3% so với kế hoạch (đạt 120,3% so với năm 2024).
- Trong đó:
 - + Doanh thu BDTX: 143,795 tỷ đồng
 - + Doanh thu ngoài công ích: 67,564 tỷ đồng
 - Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu đạt 32%.
 - Lợi nhuận trước thuế 8,882 tỷ, đạt 103% so với kế hoạch (bằng 103% so với năm 2024).
 - Lợi nhuận sau thuế 6,865 tỷ, đạt 103,18% so với kế hoạch (tăng 103,18% so với năm 2024).
 - Thu nhập bình quân người lao động: 16,20 triệu đồng/người/tháng, tăng 103,84% so với kế hoạch đầu năm.
 - Cổ tức: trả tỷ lệ cổ tức/cổ phần 11%, đạt bằng kế hoạch đầu năm.

3.4 Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, quy chế quy định quản trị doanh nghiệp:

- Rà soát, bổ sung, sửa đổi các Quy định, quy chế nội bộ, các định mức chi phí trực tiếp trong BDTX và thi công công trình; đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, công trình; nghiệm thu và hoàn tất các thủ tục thanh toán, thu hồi vốn khi công trình xây dựng hoàn thành. Tăng cường công tác kiểm soát, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ tồn đọng, nợ quá hạn, nợ khó đòi, đảm bảo an toàn tài chính; Nội quy lao động... phù hợp với quy định của pháp luật đối với Công ty cổ phần.

- Xây dựng, bổ sung, điều chỉnh, ban hành các tài liệu hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với cơ chế mới; Duy trì hoạt động cải tiến hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; đã chỉnh sửa, tinh gọn giảm 38% đầu mục tài liệu hệ thống QLCL và tài liệu nội bộ về các lĩnh vực, đảm bảo mọi lĩnh vực quản lý đều được thể chế hoá bằng các quy chế, quy định cụ thể.

- Báo cáo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Người đại diện phân vốn với đoàn kiểm tra giám sát của Tổng công ty ĐSVN; thường xuyên giám sát, yêu cầu Ban điều hành xem xét kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí, kiểm soát công nợ.

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục hồ sơ báo cáo bàn giao tài sản, thanh lý tài sản; các thủ tục thanh quyết toán, kiểm toán, quyết toán thuế hàng năm; quản lý chặt chẽ, phù hợp tài sản nhà đất trong toàn Công ty.

4. Hoạt động của Ban kiểm soát

4.1 Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS): BKS Công ty gồm có 3 thành viên:

- | | |
|-----------------------|------------|
| - Bà Trần Thị Ánh Hoa | Trưởng Ban |
| - Ông Nguyễn Văn Dũng | Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Lý Bá | Thành viên |

4.2 Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BDH và cổ đông

- Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát kết quả thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT; việc xây dựng, triển khai các kế hoạch SXKD của Giám đốc, công tác quản lý, điều hành thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, kế hoạch kiểm tra giám sát của Ban KS, thông qua thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ, xem xét kết quả kiểm toán đối với kiểm toán độc lập.

- Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, cổ đông đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát (BKS) chưa phát hiện ra trường hợp nào vi phạm các quy định trong quản lý, điều hành đối với thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty.

4.3 Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Năm 2025 BKS đã tổ chức bốn (04) cuộc họp định kỳ để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty; Trưởng Ban KS được mời tham dự tất cả các phiên họp của HĐQT; tiếp nhận đầy đủ và kịp thời các thông tin về các nội dung các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đồng thời có ý kiến với HĐQT về các vấn đề có liên quan trong quản lý điều hành như công tác cán bộ, báo cáo tài chính, kiểm soát nội bộ, kiểm soát thực hiện chi phí...

- Thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác đã cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan tới công tác quản lý, tình hình hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; Hoạt động phối hợp tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Đánh giá, giám sát của HĐQT đối với Giám đốc, Ban điều hành

- Năm 2025 Ban Điều hành đã bám sát, triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị về công tác điều hành hoạt động SXKD, hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu Đại hội đề ra; đáp ứng được các yêu cầu điều hành tổ chức sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển Công ty.

- Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý, đảm bảo hoạt động của Công ty đúng định hướng phát triển, an toàn, tuân thủ pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị chú trọng công tác quản trị tài chính, an toàn chạy tàu, chỉ đạo chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, các quy định, tăng cường giám sát việc thực thi các quy chế quy định trong hoạt động của Công ty.

- Ban Điều hành đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh đầy đủ, minh bạch, đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, mỗi thành viên trong Ban Điều hành đã chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ được phân công, triển khai thực hiện phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế trên cơ sở chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, điều hành Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu năm 2025.

- Giám sát hoạt động, điều hành của Giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết, Quyết định, Văn bản chấp thuận của HĐQT.

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và Ban Điều hành tiếp tục được duy trì, thực hiện thường xuyên, hiệu quả thông qua các kết luận, các ý kiến trao đổi trực tiếp, báo cáo, giải trình kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Ban Điều hành và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động tại các phiên họp định kỳ, các Hội nghị giao ban tháng, quý (12 cuộc họp giao ban định kỳ). Các nội dung kết luận được triển khai thực hiện, đã kịp thời giải quyết, điều chỉnh, tháo gỡ nhiều khó khăn như vấn đề vốn phục vụ SXKD; điều chỉnh sử dụng hợp lý lao động các phòng, các Xí nghiệp, gắn trách nhiệm của cá nhân với việc khắc phục, xử lý chậm các tồn tại; rà soát, quản lý chặt chẽ các yếu tố chi phí phục vụ sản xuất, sinh hoạt và hoạt động SXKD thực hành tiết kiệm chống lãng phí; tăng cường trang thiết bị cải thiện điều kiện làm việc, CQVH, vệ sinh công nghiệp, ứng dụng KHHCN trong sản xuất...

- Thực hiện giám sát định kỳ, yêu cầu Ban Điều hành xem xét kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí, kiểm soát công nợ (thông qua Quy chế tài chính, quản lý nợ), kiểm soát tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

6. Thực hiện trách nhiệm với cổ đông

- Thực hiện báo cáo thường niên và các báo cáo theo quy chế công bố thông tin với UBCK nhà nước, Trung tâm lưu ký và bù trừ chứng khoán VN và Sở giao dịch chứng khoán ...

- Thực hiện các yêu cầu của cổ đông về quản lý và giao dịch chứng khoán. Thực hiện nghĩa vụ với cổ đông theo quy định pháp luật, đã chi trả đầy đủ cổ tức cho các cổ đông (3,38 tỷ đồng).

- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng pháp luật và điều lệ Công ty.

- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các nội dung quan trọng như kết quả SXKD, các chỉ tiêu SXKD, tiền lương, các quỹ tiền thưởng, phúc lợi, cổ tức... theo thẩm quyền trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.

- Chỉ đạo, giám sát, điều hành của Giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT.

7. Kết luận

Thực hiện nhiệm vụ năm 2025, HĐQT, Ban điều hành cùng các Phòng, Ban chức năng tham mưu, các Xí nghiệp đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản chấp thuận của HĐQT; Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua ngày 22/04/2025; HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định, kết luận của HĐQT; kịp thời giải quyết các vướng mắc khó khăn, phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư phát triển.

Một số mặt tồn tại, cần tiếp tục hoàn thiện như việc cập nhật các quy định, thay đổi của pháp luật về giao dịch cổ phiếu... cùng với việc hướng dẫn, tạo điều kiện để cổ đông đăng ký mở tài khoản và giao dịch trên sàn upcom; và một số lĩnh vực, công tác khác như công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực gặp nhiều khó khăn; cần phải chủ động xây dựng kế hoạch trung và dài hạn để tạo nguồn lao động bổ sung, thay thế do khối lượng điểm trực, thiết bị TTTH tăng khi các ga mới xây dựng trên tuyến đưa vào khai thác, sử dụng; Hợp tác kinh doanh và tổ chức hoạt động dịch vụ trong năm 2025 tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn do suy thoái kinh tế toàn cầu, chiến tranh Nga – Ukraine và khu vực Trung Đông và yêu cầu đáp ứng ngày càng cao của việc chấp hành, thực thi hệ thống pháp luật trong hoạt động SXKD... Yêu cầu Ban điều hành, các Phòng, Ban tham mưu, lãnh đạo các đơn vị cần tiếp tục nỗ lực, quyết tâm phấn đấu đạt kết quả tốt trong năm 2026.

II. Phương hướng hoạt động năm 2026

*Trên cơ sở tình hình chung, với thực tế cụ thể Công ty xây dựng mục tiêu tổng quát nhiệm vụ SXKD năm 2026 là: **Đảm bảo an toàn các mặt, đổi mới sáng tạo. Nâng cao chất lượng quản trị, quản lý các cấp và chất lượng đội ngũ. Chủ động, tích cực tham gia hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu KTXH năm 2026. Nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động và đảm bảo hài hòa lợi ích của các cổ đông.***

1. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh

1.1 Các chỉ tiêu chung năm 2026

- Doanh thu: 232,495 tỷ đồng (tăng 10% so với thực hiện 2025).
Trong đó:
- + Doanh thu BDTX: 143,795 tỷ
- + Doanh thu ngoài công ích: 88,700 tỷ
- Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu là 38,2%.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 8,882 tỷ đồng (bằng so với thực hiện năm 2025).
- Lợi nhuận sau thuế đạt 6,865 tỷ đồng (bằng so với thực hiện năm 2025).
- Thu nhập \geq 17,82 triệu đồng/người/tháng (tăng 10% so với thực hiện năm 2025).
- Cổ tức \geq 11 %

1.2 Kế hoạch QLBDTX KCHT Đường sắt

- * Doanh thu BDTX dự kiến đạt: **143,795** tỷ đồng (bằng so với thực hiện năm 2025).

1.3 Kế hoạch công trình sửa chữa định kỳ, sửa chữa lớn và SXKD ngoài bảo dưỡng thường xuyên

- * Doanh thu dự kiến đạt: **88,7** tỷ đồng.
- a) **Một số công trình trọng tâm**
 - Sửa chữa hệ thống tín hiệu ga Từ Sơn, ga Lim, ga Sen Hồ, tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng.
 - Sửa chữa, cải tạo đường ngang km1400+775, km1534+487, tuyến Đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh
 - Di dời đường dây Thông tin tín hiệu đường sắt tại Km1502+310, tuyến Đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh
 - Xây dựng đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa - Phần TTTH
 - Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia sử dụng nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt
 - Phần TTTH - Gói thầu số 12 (xây dựng): Nút giao số 2 (Km0+787.5 đến Km1+612.5) và cầu đường sắt, tín hiệu thông tin liên lạc đường sắt, đèn bù chậm tàu và thiệt hại do phong tỏa trong quá trình thi công và công tác đảm bảo an toàn giao thông thuộc Dự án: Đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh
 - Bảo trì hệ thống tín hiệu tại đường ngang Km 1288+320, tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Lộc Ninh, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
 - Nâng cấp, mở rộng đường ngang Đường sắt Bắc Nam (cổng 14) (Di dời thiết bị TTTH Km 1707+820 tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh) thuộc dự án: Xây dựng (đã bao gồm đảm bảo an toàn giao thông và đèn bù chậm tàu).
- b) **Hoạt động kinh doanh, dịch vụ:** Bao gồm các hoạt động dịch vụ & hợp tác kinh doanh, doanh thu dự kiến: **6,3** tỷ.

1.4 Kế hoạch đầu tư

a) Theo các dự án của Bộ Xây dựng:

- Tập trung thực hiện các dự án đầu tư phát triển đường sắt Quốc gia nguồn NSNN dự kiến triển khai trong năm 2026, các dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP.Hồ Chí Minh còn lại thuộc gói 3000 tỷ.

b) Theo nguồn vốn hợp pháp của Công ty:

- Xây dựng công trình “Văn phòng làm việc tại 325 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình TP. HCM (công trình chuyển tiếp năm 2025 hợp tác với đối tác).

- Trang bị 01 xe ô tô 7 chỗ để phục vụ công tác điều hành, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu công tác SXKD; công tác cứu chữa, giải quyết trở ngại khi có thiên tai, sự cố nhằm đảm bảo an toàn chạy tàu dọc theo địa bàn Công ty quản lý. Thay thế cho xe 7 chỗ Toyota zace biển số 52S-9587 do Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Phú Khánh đang quản lý sử dụng từ năm 2001 đã hết khấu hao từ lâu, tiêu hao nhiên liệu nhiều, thường xuyên hư hỏng dễ gây mất an toàn khi lưu thông, ảnh hưởng đến tính chủ động trong công tác ứng phó, xử lý sự cố, thiên tai; công tác kiểm tra, giám sát, nghiệm thu phục vụ SXKD. Xe 7 chỗ Toyota zace biển số 52S-9587 của Công ty sẽ chuyển giao cho Xí nghiệp TTTT Thuận Hải sau khi trang bị xe mới.

- Trang bị 03 máy đo OTDR sợi quang cho Xí nghiệp TTTT Phú Khánh, Xí nghiệp TTTT Thuận Hải, Xí nghiệp TTTT Sài Gòn phục vụ công tác cứu chữa, giải quyết trở ngại khi có thiên tai, sự cố đảm bảo thông tin liên lạc, bảo đảm an toàn chạy tàu.

- Trang bị 03 máy định vị tuyến cáp đồng, cáp quang cho Xí nghiệp TTTT Phú Khánh, Xí nghiệp TTTT Thuận Hải, Xí nghiệp TTTT Sài Gòn phục vụ công tác sản xuất kinh doanh và giải quyết trở ngại, sự cố thiết bị Thông tin tín hiệu.

III. Chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2026-2030

Trước tình hình KTXH tăng trưởng chung của cả nước, mục tiêu của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và năng lực thực tế của Công ty. Công ty cổ phần TTTT ĐS Sài Gòn xây dựng mục tiêu tổng quát: **Đảm bảo an toàn các mặt, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng quản trị, quản lý các cấp và chất lượng đội ngũ. Chủ động, tích cực tham gia hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu KTXH năm 2026, phấn đấu doanh thu và thu nhập người lao động tăng 10% trở lên. Nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động và đảm bảo hài hòa lợi ích của các cổ đông.**

1. Các chỉ tiêu chung hàng năm giai đoạn 2026-2030:

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Sản lượng	Triệu đồng	251.094	276.204	303.824	334.207	367.627
2	Doanh thu	Triệu đồng	232.495	255.744	281.319	309.451	340.396
2.1	Sản xuất chính	Triệu	143.795	150.985	158.534	166.461	174.784

		đồng					
2.2	Ngoài SX chính	Triệu đồng	88.700	104.760	122.785	142.990	165.612
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.865	7.002	7.142	7.285	7.431
4	Thu nhập bình quân của Người lao động/tháng	Triệu đồng	17,820	18,711	19,647	20,629	21,660

2. Kế hoạch SXKD hàng năm giai đoạn 2026-2030:

- Doanh thu bình quân đạt: 283,881 tỷ đồng (giai đoạn 2026-2030).

Trong đó:

- + Doanh thu bình quân SX chính: 158,912 tỷ đồng.
- + Doanh thu bình quân ngoài SX chính: 124,969 tỷ đồng.
- + Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu là 44%.
- + Lợi nhuận sau thuế bình quân: 7,145 tỷ đồng.
- + Cổ tức $\geq 11\%$.
- + Thu nhập bình quân $\geq 19,693\%$ triệu đồng.

3. Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn từ năm 2026-2030:

a) Theo các dự án của các cấp, Tổng công ty ĐSVN:

- Tập trung thực hiện các dự án đầu tư phát triển đường sắt Quốc gia nguồn NSNN giai đoạn từ năm 2026-2030, tiếp tục thi công hoàn thành các gói thầu, các Dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP.Hồ Chí Minh.

- Chủ động nguồn lực tham gia các dự án đường sắt nội đô, đường sắt tốc độ cao; gói thầu, dự án công trình trong phạm vi đất đường sắt do các địa phương đầu tư.

b) Theo nguồn vốn hợp pháp của Công ty:

- Xây dựng công trình “Văn phòng làm việc tại 325 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình, TP.HCM (công trình chuyển tiếp năm 2025 hợp tác với đối tác.

- Nâng cấp, sửa chữa nhà, phương tiện vận tải phục vụ SXKD, thiết bị.

- Trang bị 03 máy đo OTDR sợi quang

- Trang bị 03 máy định vị tuyến cáp đồng, cáp quang

4. Công tác KHCN, Kỹ thuật – An toàn:

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình kỹ thuật trọng tâm hàng năm nhằm nâng cao quản lý, chất lượng mỹ quan hệ thống thiết bị thông tin tín hiệu ĐS theo Nghị quyết, Kế hoạch của Đảng ủy Công ty và của cấp trên;

- Đảm bảo chất lượng hiệu quả khai thác tuyến cáp quang đường sắt để đáp ứng yêu cầu SXKD và hợp tác với đối tác;

- Đầu tư, ứng dụng KHCN nhằm đảm bảo vai trò hoạt động giám sát đường ngang CBTĐ, đường ngang có gác, phòng thiết bị TTTH, nhằm nâng cao hiệu quả

giám sát, phát hiện sớm các nguy cơ gây ảnh hưởng đến TTATGT ĐS, đặc biệt là tại các DN CBTĐ;

- Xây dựng và triển khai thực hiện phương án phòng chống lụt bão, ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn;

IV. Các giải pháp thực hiện xuyên suốt, đồng bộ cho năm 2026 và các năm tiếp theo của giai đoạn 2026-2030

- Tổ chức tốt Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 và các năm tiếp theo của giai đoạn 2026 – 2030.

- Lãnh đạo, quản trị hoạt động của Công ty đảm bảo ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 và các năm tiếp theo, với các nhóm giải pháp cụ thể như sau:

1. Giải pháp về tài chính

- Huy động mọi nguồn lực tài chính, phù hợp với kế hoạch SXKD, tiến độ thực hiện các dự án, quản lý tình hình thu chi đúng chế độ, định mức chi phí.

- Rà soát, bổ sung, sửa đổi các Quy định, quy chế, các định mức chi phí trực tiếp trong BD KCHTĐS và thi công công trình; hoàn tất các thủ tục thanh toán, thu hồi vốn khi công trình xây dựng hoàn thành.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển phù hợp với nhu cầu thực tế, có trọng điểm nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong đầu tư và sử dụng nguồn vốn.

- Quản trị tài chính, nghiệp vụ kế toán đúng quy định, thực hiện đầy đủ kịp thời các nghĩa vụ với Nhà nước, địa phương, người lao động và cổ đông.

- Không để công nợ tồn đọng quá hạn. Báo cáo quyết toán đúng thời hạn theo quy định. Tăng cường công tác kiểm soát, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ tồn đọng, nợ quá hạn, nợ khó đòi, đảm bảo an toàn tài chính.

2. Giải pháp về Sản xuất, Kinh doanh

- Chủ động bám sát các dự án công trình thuộc địa phận quản lý, các dự án địa phương trong phạm vi quản lý của Công ty... và các định hướng phát triển của Tổng công ty ĐSVN, Bộ Xây dựng, Cục Đường sắt về hệ thống TTTH ga, đường ngang, hệ thống giám sát TTTH... để đề xuất, lập phương án, đảm nhận các nội dung phù hợp nhằm đáp ứng nhiệm vụ, tăng doanh thu.

- Xây dựng các kế hoạch BD KCHTĐS, SXKD, tổ chức điều hành mạnh mẽ, có kiểm soát đảm bảo thực hiện theo đúng quy định, quy chế của Công ty

- Quản lý, sử dụng vật tư, thiết bị hợp lý đáp ứng SXKD, không làm tồn đọng vốn.

- Tiết kiệm chi phí trong hoạt động SXKD, đảm bảo chi đúng định mức, mục đích. Tuyên truyền, quán triệt cán bộ, đảng viên, người lao động thực hiện tốt Quy định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Ứng dụng mạnh mẽ KHCN trong SXKD, phát huy tính thực chất của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, làm cho hệ thống này là công cụ, phương tiện hoạt động, quản trị hỗ trợ mạnh mẽ SXKD và khẳng định thương hiệu Công ty.

- Triển khai và thực hiện đồng bộ giải pháp đảm bảo an toàn giao thông đường sắt, an toàn lao động theo mục tiêu chung của các cấp, của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về công tác đảm bảo TTATGT ĐS theo **chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 18/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ.**

3. Giải pháp về marketing

- Tranh thủ sự quan tâm, tạo điều kiện của Tổng công ty ĐSVN, Cục Đường sắt và Bộ Xây dựng.

- Tăng cường tiếp thị, thực hiện chính sách hợp lý trong duy trì và phát triển khách hàng đối với sản xuất kinh doanh dịch vụ ngoài sản xuất chính.

- Tích cực chủ động tìm kiếm các dự án công trình trong mọi lĩnh vực được phép kinh doanh đúng quy định pháp luật. Hợp tác kinh doanh, liên danh với các đối tác trên tinh thần phát triển chung, bền vững đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất phụ kiện, thiết bị chuyên ngành TTTH.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Xem xét, điều chỉnh tổ chức sản xuất phù hợp (các tổ sản xuất, Xí nghiệp...); thực hiện tốt các nội dung về quy hoạch, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm các bộ; tuyển dụng bổ sung, sắp xếp đào tạo lao động đảm bảo đầy đủ, chất lượng (đặc biệt là các kỹ sư, cử nhân chuyên ngành TTTH và CNTT)

- Điều chỉnh tổ chức sản xuất phù hợp (từ Tổ SX, XN TTTH đến các Phòng nghiệp vụ); thực hiện tốt các nội dung về quy hoạch, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ; tuyển dụng bổ sung, sắp xếp đào tạo lao động đảm bảo đầy đủ, chất lượng.

- Xây dựng, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ ở tất cả các vị trí chuyên môn nghiệp vụ, quản lý, kỹ năng làm việc, kiến thức pháp luật và ý thức trách nhiệm bằng nhiều hình thức phù hợp với điều kiện và yêu cầu nguồn lực của Công ty, đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới, giai đoạn ứng dụng KHCN, tuyến Đường sắt mới, tuyến đường sắt tốc độ cao.

- Chủ động, tích cực liên hệ các địa phương, cơ sở đào tạo làm tốt công tác tuyển dụng, bổ sung lao động; phối hợp với phân hiệu phía nam Trường cao Đẳng nghề đường sắt trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ; bổ sung, điều chỉnh cơ cấu lao động đảm bảo lao động đầy đủ, chất lượng.

- Điều chỉnh, bổ sung sửa đổi kịp thời Quy chế nội bộ phù hợp với chế độ, chính sách và quy định của pháp luật. Xây dựng thực hiện chính sách lương, thưởng và các chế độ đúng quy định, công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng công việc nhằm tạo động lực để người lao động phát huy sáng tạo trong công việc; Thực hiện đầy đủ chế độ cho người lao động, trích nộp Bảo hiểm xã hội, thất nghiệp, Y tế, và các chế độ chính sách khác theo quy định của pháp luật.

- Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; Tổ chức các phong trào văn hóa, thể thao đảm bảo nhu cầu tinh thần của người lao động trong Công ty,

thực hiện nghiêm Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Cải thiện, nâng cao cơ sở vật chất làm việc cho người lao động trong toàn Công ty.

- Phát động các phong trào thi đua hiệu quả; khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích mang lại lợi ích cho Công ty cũng như xử lý thích đáng các hành vi vi phạm Nội quy, và các quy định hiện hành.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Triển khai và thực hiện đồng bộ các chương trình, giải pháp kỹ thuật nâng cao chất lượng thiết bị và đảm bảo an toàn giao thông Đường sắt, an toàn lao động theo mục tiêu chung của các cấp Bộ Xây dựng, Cục Đường sắt, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về công tác đảm bảo ATGTĐS.

- Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ- đổi mới sáng tạo- chuyển đổi số theo **Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị** trong các mặt quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động SXKD; Đầu tư đổi mới công nghệ để tăng hiệu quả trong SXKD, tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường.

- Áp dụng các sáng kiến, khoa học công nghệ thực hành trong quản lý thiết bị TTTH, nhằm phát hiện sớm hư hỏng thiết bị và làm chủ công nghệ; Đầu tư đổi mới công nghệ và hoàn thiện công cụ quản lý vào hệ thống thông tin nội bộ đến tận Cung TTTH, nhằm khai thác tối đa công tác điều hành SXKD kịp thời và hiệu quả.

- Cải tiến, phát huy tính thực chất của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, ứng dụng quản trị toàn diện, làm cho hệ thống này là công cụ, phương tiện hỗ trợ mạnh mẽ phục vụ SXKD của đơn vị.

6. Giải pháp về quản lý và điều hành

- Tập trung, nâng cao chất lượng quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm đã xây dựng. Thực hiện quản lý, kiểm soát hoạt động của Công ty thông qua hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành.

- Phát huy kỷ cương, nề nếp, thực hiện nghiêm mệnh lệnh sản xuất, hài hòa trong quan hệ công việc, sinh hoạt. Trong đó, phải xác định rõ nội dung **“Nhận diện nguy cơ – Phòng ngừa từ sớm – Xử lý kịp thời – Quyết không tái diễn”**, đảm bảo tinh thần “6 rõ”. Phổ biến, quán triệt kịp thời đến người lao động nhằm nâng cao nhận thức, ý thức tự giác chấp hành các quy định của pháp luật, quy trình có liên quan trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền đi đôi với việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ để đảm bảo đúng các chế độ, quy chế quy định.

- Xây dựng, bổ sung, sửa đổi các quy định, quy chế phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và hoạt động quản lý điều hành thực hiện thắng lợi mục tiêu, chiến lược nhiệm vụ năm 2026 và các năm tiếp theo trong giai đoạn 2026-2030 của Công ty.

7. Các giải pháp khác

- Triển khai thực hiện đầy đủ nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết, các văn bản chỉ đạo của các cấp trong công tác SXKD để kịp thời báo cáo, tham mưu cho Lãnh

đạo Công ty có chỉ đạo phù hợp, đồng thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn từ các đơn vị để chỉ đạo, điều hành công tác SXKD.

- Tăng cường cơ sở vật chất Công ty; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, sức khỏe cho cán bộ, đảng viên, người lao động; thực hiện chính sách chất lượng, thưởng và các chế độ đảm bảo đúng qui định, công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng công việc nhằm tạo động lực để người lao động phát huy sáng tạo trong công việc; thực hiện nghiêm Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

- Tuyên truyền, giáo dục, học tập luật phòng chống tham nhũng, lãng phí cho cán bộ, đảng viên và người lao động trong toàn Công ty;

- Tiết kiệm trong tất cả các chi phí, đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, đúng định mức, đúng mục đích. Giảm tối đa chi phí hội họp, đi công tác, mua sắm trang thiết bị văn phòng, quảng cáo, điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu ... góp phần giảm chi phí sản xuất.

- Tham gia Hội thao ngành do Tổng công ty ĐSVN và cụm khu vực tổ chức hàng năm.

- Giữ vững đoàn kết tạo sự đồng thuận cao, mối quan hệ, sự phối hợp chặt chẽ hiệu quả trong lãnh đạo chuyên môn; giữa các phòng, xí nghiệp; giữa chuyên môn và các đoàn thể dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng ủy Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025, phương hướng hoạt động năm 2026 và **Chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn giai đoạn 2026-2030**, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị cổ đông, nhất là những tồn tại hạn chế trong công tác quản lý Công ty và giám sát hoạt động của Ban Điều hành, giúp Hội đồng quản trị cùng Ban Điều hành phấn đấu đưa hoạt động của Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Nơi nhận:

- Cổ đông (website).
- Thành viên HĐQT;
- Ban Điều hành;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Uông Nhật Phương



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2025 và chương trình hoạt động năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 23/4/2021;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về công tác giám sát của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2025

1. Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn gồm có 03 thành viên:

- Bà Trần Thị Ánh Hoa – Trưởng ban
- Ông Nguyễn Văn Dũng – Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Lý Bá – Thành viên

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ 04 lần để triển khai các nhiệm vụ kế hoạch trong năm cũng như các vấn đề liên quan đến cổ đông Công ty; giám sát tình hình hoạt động SXKD, tài chính Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Điều hành Công ty như sau:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban triển khai công tác SXKD tháng, quý, năm và các cuộc họp đột xuất khác để nắm bắt thông tin trong quá trình quản lý, điều hành và các hoạt động của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025; Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; Việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, các quy định của Tổng Công ty ĐSVN và quy chế nội bộ Công ty.

- Giám sát việc xây dựng, ban hành, sửa đổi các quy chế, quy định quản trị nội bộ phù hợp với Pháp luật hiện hành.
- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; kiểm tra, giám sát công tác tài chính; thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, năm, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng bảo toàn vốn.
- Thực hiện một số công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

3. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2025:

Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát được thực hiện theo Quy chế trả lương của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

4. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2025		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với KH
1.	Tổng Doanh thu	193.217	211.359	109,4%
-	Doanh thu BDTX	142.475	143.795	100,9%
-	Doanh thu ngoài công ích	50.742	67.564	133,2%
2.	Lợi nhuận trước thuế	8.623	8.882	103%
3.	Lợi nhuận sau thuế	6.653	6.865	103,2%
4.	Tiền lương bình quân	15,856	16,200	102,2%
5.	Vốn điều lệ	30.741	30.741	100%

Năm 2025, Công ty đã hoàn thành 100% khối lượng kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt; các công trình SXKD đảm bảo chất lượng, tiến độ, đạt và vượt các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

5. Giám sát tình hình tài chính Công ty

5.1. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025: Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 được Công ty TNHH Kiểm toán NVA – chi nhánh phía bắc kiểm toán và thống nhất báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5.2. Tình hình tài chính Công ty

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1	Giá trị tổng tài sản	Triệu đồng	90.742	113.027
2	Vốn góp ban đầu	Triệu đồng	30.741	30.741
3	Tổng vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	42.404	43.237
4	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng TS (ROA)	%	7,3	6,1
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH (ROE)	%	15,7	16,03
6	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,02	1,02
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,55	1,37
7	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Lần	1,14	1,61

- Hệ số bảo toàn vốn tại thời điểm 31/12/2025 là 1,02 lần. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH (ROE) năm 2025 là 16,03% lớn hơn năm 2024, thể hiện khả năng sử dụng vốn hiệu quả, tạo ra lợi nhuận ổn định và bền vững.

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 là 1,37 lần >1. Cho thấy Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ và duy trì tài chính tốt. Công ty không có nợ dài hạn.

- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu năm 2025 là 1,61 lần (<3). không vượt mức quy định tại Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Nợ chủ yếu là các khoản phải trả nhà cung ứng; phải trả người lao động về các khoản chi của năm 2025; các khoản nợ vay tài chính và các khoản chủ đầu tư tạm ứng chi phí thi công các dự án; các khoản nộp ngân sách nhà nước của năm 2025 (do đặc thù của Công ty thực hiện nhiệm vụ công ích cho Nhà nước và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, nên thời gian thanh toán hàng năm thường được gia hạn đến 30/1 năm sau).

- Công ty đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ năm 2024 đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, bảo hiểm xã hội theo đúng quy định; các chế độ liên quan đến người lao động, thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát Công ty theo đúng phương án chi trả được chấp thuận.

- Công ty đã thực hiện phân loại và xử lý các khoản nợ. Thường xuyên đối chiếu, đơn đốc thu hồi công nợ không để phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi.

6. Giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và cổ đông Công ty

6.1 Đối với hoạt động của Hội đồng quản trị

- Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty. Thực hiện việc giám sát kết quả thực hiện các Nghị

quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị Công ty duy trì họp thường kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Luật doanh nghiệp, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Công ty.

- Hội đồng quản trị Công ty đã xem xét, thống nhất cho ý kiến theo các văn bản đề nghị của Giám đốc Công ty về các lĩnh vực SXKD, dịch vụ của Công ty.

- Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành Công ty trong việc thực hiện kế hoạch SXKD, dịch vụ của Công ty. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

6.2 Đối với hoạt động của Ban Điều hành

- Ban Điều hành Công ty đã triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, bám sát chủ trương, kế hoạch và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, chỉ đạo của HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam trong việc điều hành hoạt động SXKD, dịch vụ hàng ngày của Công ty.

- Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ và tham gia thảo luận với Ban Điều hành tại các cuộc họp giao ban SXKD tháng, quý và tổng kết năm.

6.3 Đối với cổ đông

- Thực hiện báo cáo thường niên và các báo cáo theo quy chế công bố thông tin với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký và bù trừ Chứng khoán VN và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Công ty đã thực hiện chi trả đầy đủ cổ tức năm 2024 cho các cổ đông. Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được ý kiến khiếu nại nào của cổ đông.

7. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Điều hành

- Trưởng Ban kiểm soát được mời tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban SXKD tháng, quý và tổng kết năm của Ban Điều hành và các cuộc họp của các đoàn kiểm tra khác; tiếp nhận đầy đủ và kịp thời các thông tin về các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về kế hoạch, nội dung kiểm tra, giám sát và phối hợp với Ban Điều hành trong quá trình triển khai kiểm tra, giám sát.

- HĐQT, Ban Điều hành đã cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin và tài liệu liên quan đến công tác quản lý, tình hình hoạt động Công ty; tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát tại Công ty.

8. Kiến nghị của Ban kiểm soát

- Công ty tiếp tục tăng cường công tác quản trị, quản lý các cấp, tiếp tục đẩy mạnh SXKD dịch vụ hiệu quả.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định, quy chế theo đúng quy định.
- Nâng cao chất lượng, đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống thiết bị tín hiệu đường ngang cảnh báo tự động nhằm đảm bảo ATCT, giảm hư hỏng thiết bị.
- Đảm bảo tiến độ các thủ tục, thi công, nghiệm thu, thanh toán công tác duy tu BDTX KCHT ĐS, các dự án, công trình nhằm đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD Công ty.
- Đẩy mạnh rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý các cơ sở nhà, đất của Công ty đúng quy định, đạt hiệu quả.
- Tăng cường công tác kiểm soát, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ tồn đọng, nợ quá hạn, nợ khó đòi, đảm bảo an toàn tài chính và bảo toàn vốn.
- Tăng cường công tác kiểm tra soát xét khi thanh toán nhằm hạn chế rủi ro tài chính, các chi phí bị loại trừ sau thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước.

II. CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

- Giám sát việc chấp hành quy định của Pháp luật và Điều lệ, Quy chế của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị
- Giám sát việc xây dựng, ban hành, sửa đổi các quy chế, quy định quản trị nội bộ phù hợp với Pháp luật hiện hành.
- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Giám sát tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát công tác quản lý, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty
- Các công việc khác theo Điều lệ Công ty và Pháp luật quy định.

Trên đây là kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát trong năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Tài liệu ĐHCĐ 2026; (CBTT, Website)
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Ánh Hoa

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, thông qua ngày 23/4/2021.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH kiểm toán NVA tiến hành kiểm toán, được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra thẩm định và Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn đã công bố công khai theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bao gồm:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc
2. Báo cáo của kiểm toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025
4. Báo cáo kết quả kinh doanh
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

Trong đó, một số chỉ tiêu cơ bản kèm theo phụ lục số 05a

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Uông Nhật Phương

TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (đồng)
1	Tổng cộng tài sản	113.027.399.675
2	Nợ phải trả	69.790.209.953
	Trong đó:	
2.1	Phải trả người lao động	17.264.891.080
2.2	Người mua ứng trước	2.220.283.074
2.3	Phải trả người bán ngắn hạn	23.013.645.854
2.4	Thuế và các khoản phải trả nhà nước	2.581.257.839
2.5	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20.392.564.957
2.6	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.046.231.503
2.7	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.855.814.708
2.8	Chi phí phải trả ngắn hạn	72.903.778
3	Vốn chủ sở hữu	43.237.189.722
	Trong đó:	
3.1	Quỹ đầu tư phát triển	5.630.601.690
3.2	Vốn góp của chủ sở hữu	30.741.000.000
3.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.865.588.032
4	Tổng doanh thu và thu nhập khác	211.359.637.813
4.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	211.182.781.529
4.2	Doanh thu hoạt động tài chính	176.856.284
4.3	Thu nhập khác	
5	Chi phí	202.477.475.161
5.1	Giá vốn hàng bán	183.340.279.264
5.2	Chi phí tài chính	417.247.983
5.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.719.947.914
5.4	Chi phí khác	
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.882.162.652
7	Thuế TNDN hiện hành	2.016.574.620
8	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.865.588.032
9	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	1.354

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức, các quỹ năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần TTHH đường sắt Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, thông qua ngày 23/4/2021.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận, phương án chi trả cổ tức, các quỹ năm 2025 và kế hoạch năm 2026, như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức, các quỹ Công ty:

STT	Nội dung	Thực hiện Năm 2025	Kế hoạch Năm 2026
Tổng lợi nhuận sau thuế (đồng)			
I.	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (3.074.100 cp)	6.865.588.032	6.865.588.032
1.	Tỷ lệ cổ tức/ cổ phần	11%	11%
2.	Tổng số tiền cổ tức phải trả (đồng). Trong đó:	3.381.510.000	3.381.510.000
-	Cổ tức cổ đông tổ chức Tổng công ty ĐSVN (2.329.200 cp)	2.562.120.000	2.562.120.000
-	Cổ tức cổ đông đại chúng (744.900 cp)	819.390.000	819.390.000
II.	Các Quỹ (đồng)		
1.	Quỹ đầu tư phát triển	310.500.000	310.500.000

	(Điều 29 Nghị định 366/2025/NĐ-CP)		
2.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.173.578.032	3.172.990.000
-	Quỹ khen thưởng, PL NLD	2.916.223.032	2.915.635.000
-	Quỹ thưởng người quản lý	257.355.000	257.355.000

2. Phương án chi trả cổ tức

- Thời gian chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức: Do Hội đồng quản trị quyết định sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Thời gian trả cổ tức: trước 17/10/2026.
- Nơi trả cổ tức: tại Trụ sở Công ty (đối với cổ phiếu chưa lưu ký) hoặc tại nơi lưu ký (đối với cổ phiếu đã lưu ký)

Kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua và chấp thuận.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Uông Nhật Phương

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2026



TỜ TRÌNH

Về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần TTTH đường sắt Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 23/4/2021.

Để thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chủ động tiến hành đàm phán và lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập phù hợp danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán năm 2026 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Ánh Hoa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc xác định quỹ tiền lương, thù lao của người lao động và người quản lý Công ty năm 2026

Kính gửi:

- Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2026;
- Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ Quy định về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về Quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-ĐS, ngày 06/3/2026 của Tổng công ty ĐSVN về ban hành Quy chế quản trị lao động, tiền lương trong Tổng công ty ĐSVN.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

1. Về thực hiện lao động, tiền lương, thù lao năm 2025:

- Lao động bình quân năm thực tế sử dụng: 403,83 người (trong đó người lao động: 397,83 người; Ban Điều hành: 04 người; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát: 02 người).

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện của công ty: 76.465.307.200 đồng (không bao gồm tiền ăn giữa ca), trong đó:

+ Quỹ tiền lương người lao động: 74.023.000.000 đồng.

+ Tiền lương Ban Điều hành: 1.609.843.200 đồng.

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát: 778.464.000 đồng.

+ Thù lao Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên không chuyên trách: 54.000.000 đồng.

- Mức tiền lương, thù lao bình quân thực hiện (đồng/người/tháng):

+ Lương bình quân người lao động: 15.506.000.

+ Lương bình quân Ban Điều hành: 33.538.400.

+ Lương bình quân Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát: 32.436.000.

+ Thù lao bình quân Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách: 1.500.000.

- Mức lương Người đại diện phần vốn (đồng/người/tháng):

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị: 38.160.000.

+ Giám đốc: 37.100.000.

2. Kế hoạch lao động tiền lương, thù lao năm 2026:

- Lao động bình quân năm kế hoạch sử dụng: 411,83 người (trong đó người lao động: 405 người; Ban Điều hành 4,83 người; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát: 02 người).

- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của công ty: 85.566.112.000 đồng (không bao gồm tiền ăn giữa ca), trong đó:

+ Quỹ tiền lương người lao động: 82.894.000.000 đồng.

+ Tiền lương Ban Điều hành: 1.832.112.000 đồng.

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát: 768.000.000 đồng.

+ Thù lao Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách: 72.000.000 đồng.

- Mức tiền lương, thù lao bình quân kế hoạch (đồng/người/tháng):

+ Lương bình quân người lao động: 17.056.130.

+ Lương bình quân Ban Điều hành: 31.588.140.

+ Lương bình quân Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát: 32.000.000.

+ Thù lao bình quân Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách: 2.000.000.

- Mức lương Người đại diện phần vốn (đồng/người/tháng):

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị: 37.000.000.

+ Giám đốc: 36.000.000.

3. Điều kiện được hưởng quỹ tiền lương:

Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý được căn cứ vào mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và chỉ tiêu lợi nhuận (theo văn bản hướng dẫn số 3245/ĐS-TCCB ngày 03/10/2018 của Tổng Công ty ĐSVN; Mục 2 Điều 22 nghị định 44/2025/NĐ-CP; Mục 1 Điều 5 nghị định 248/2025/NĐ-CP Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước):

- Công ty hoàn thành sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt trội lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm tối đa 2%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch.

- Công ty có lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với kế hoạch, mức tiền lương của Người quản lý Công ty là người đại diện phần vốn nhà nước phải giảm trừ bằng 1% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch.

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Uông Nhật Phương

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty của Công ty cổ phần
Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 23/4/2021;

Căn cứ vào Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/09/2025 của Thủ tướng chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (có phụ lục và Điều lệ kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.
Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Uông Nhật Phương

Phụ lục
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2026
(kèm theo tờ trình về việc thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty)

Điều	NỘI DUNG DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Căn cứ ban hành Điều lệ sửa đổi	“Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15”	Phù hợp với quy định của Pháp Luật hiện hành.
1. Điều 1	Phân giải thích thuật ngữ	
1a	“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15	
2. Điều 2	Phân tên, địa chỉ trụ sở chính	
	3. Tên viết tắt: SRTS, JSC Co. 4. Trụ sở giao dịch: 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, TP. Hồ Chí Minh 5. Điện thoại : (028) 38468701 Fax : (028) 38466484	Bổ sung
3. Điều 3	Phân Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân và thời hạn hoạt động của Công ty	
	6. Trường hợp Công ty khuyết chức danh Giám đốc và đang trong thời gian kiện toàn, Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định giao một (01) Phó giám đốc Công ty phụ trách Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ Quyền Giám đốc Công ty để làm người đại diện theo pháp luật của Công ty, thời gian giao quyền không quá 12 tháng kể từ ngày quyết định giao quyền có hiệu lực và không tính vào thời gian giữ chức vụ nếu được bổ nhiệm	Phù hợp với Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/09/2025 của Thủ
4. Điều 4	Phân ngành, nghề kinh doanh:	
1, a	Ngành, nghề kinh doanh chính là “Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt. Chi tiết: Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt; tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu, điện. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt” Mã ngành chính là “5221”	

1, b (3,4)	“Xây dựng công trình đường sắt”, mã ngành là “4211” “Xây dựng công trình đường bộ”, mã ngành là “4212”	tướng chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
1, b (5)	“Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp”, mã ngành là “4102”	
1, c (5)	Mã ngành 5510 là “Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn (không hoạt động tại trụ sở và không bao gồm quán Bar, phòng Karaoke, vũ trường)”	
1, c (6)	Mã ngành 9329 là “Hoạt động vui chơi giải trí khác. Chi tiết: Dịch vụ thể thao: Kinh doanh các hoạt động thể thao và giải trí thể thao bao gồm: Câu lạc bộ bóng bàn, cầu lông, tennis”	
1, c (7)	Mã ngành 4610 là “Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ đấu giá hàng hóa”	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành,

Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan;

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 17 tháng 04 năm 2026.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

b) "*Luật Chứng khoán*": là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

c) "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) "*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*" (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là Công ty mẹ trong nhóm Công ty mẹ - Công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ Công ty nhà nước thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

đ) "*Công ty*" là Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn;

e) "*Điều lệ*" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

g) "*Vốn điều lệ*" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và quy định tại Điều 7 Điều lệ này;

h) "*Vốn có quyền biểu quyết*" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương lần đầu;

k) “*Người điều hành Công ty*” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;

l) “*Người quản lý Công ty*” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty;

m) “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, *khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán*;

n) “*Người có quan hệ gia đình*” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;

o) “*Thời hạn hoạt động*” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 5 Điều 3 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

p) “*Cổ phần*”: vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần;

q) “*Cổ phần phổ thông*” là một đơn vị vốn điều lệ của Công ty có mệnh giá là mười ngàn đồng (10.000 VND) và cho phép người nắm giữ có các quyền theo quy định của Điều lệ này;

r) “*Cổ phần ưu đãi*” là các loại cổ phần ưu đãi theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

s) “*Cổ tức*” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;

t) “*Cổ đông*” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

u) “*Cổ phiếu*” là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên, địa chỉ, trụ sở chính

1. Tên gọi đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN.

2. Tên tiếng Anh:

SAIGON RAILWAYS OF TELECOMMUNICATION
– SIGNALIZATION JOIN STOCK COMPANY

3. Tên viết tắt: SRTS, JSC Co

4. Trụ sở giao dịch: 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, TP. Hồ Chí Minh

5. Điện thoại: (028) 38468701

Fax: (028) 38466484

6. E-mail: ttthdssg@gmail.com.

7. Website: www.ttthsaigon.vn

8. Biểu tượng (Logo):

**Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Hình thức doanh nghiệp:

- Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ sang Công ty cổ phần do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối;

- Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn có:

a) Tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

b) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các Công ty con và Công ty liên kết trong phạm vi số vốn do Công ty đầu tư.

c) Quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn có một (01) người đại diện theo pháp luật.

Giám đốc Công ty là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu trên tại Khoản 3 Điều này.

4. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 61 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

6. Trường hợp Công ty khuyết chức danh Giám đốc và đang trong thời gian kiện toàn, Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định giao một (01) Phó giám đốc Công ty phụ trách Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ Quyền Giám đốc Công ty để làm người đại diện theo pháp luật của Công ty, thời gian giao quyền không quá 12 tháng kể từ ngày quyết định giao quyền có hiệu lực và không tính vào thời gian giữ chức vụ nếu được bổ nhiệm;

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

a) Ngành, nghề kinh doanh chính:

1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt. Chi tiết: Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt; tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu, điện. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt	<i>Chính</i> 5221
---	---	----------------------

b) Ngành, nghề kinh doanh liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:

1	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
---	--------------------------------	------

	Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình thông tin, viễn thông; xây dựng, lắp đặt tín hiệu giao thông	
2	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Xây dựng công trình điện dân dụng, chiếu sáng; Xây dựng, lắp đặt công trình đường dây truyền tải điện, trạm biến thế.	4321
3	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông	4211
4	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông	4212
5	Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp	4102
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu, điện (trừ thiết kế công trình)	7110
7	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ viễn thông và tin học	6190

c) Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật:

1	Điều hành tua du lịch Chi tiết : Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế (chỉ được hoạt động sau khi thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về du lịch)	7912
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng	2392
3	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu Chi tiết: Sản xuất kim loại quý và kim loại màu. Sản xuất kết cấu thép chuyên ngành (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp).	2420
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư kinh doanh bất động sản	6810
5	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn (không hoạt động tại trụ sở và không bao gồm quán Bar, phòng Karaoke, vũ trường).	5510
6	Hoạt động vui chơi giải trí khác. Chi tiết: Dịch vụ thể thao: Kinh doanh các hoạt động thể thao và giải trí thể thao bao gồm: Câu lạc bộ bóng bàn, cầu lông, tennis.	9329
7	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ đấu giá hàng hóa.	4610
8	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp)	5610

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Huy động và sử dụng các nguồn lực để tổ chức sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông;

- Hoàn thành mọi nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với Chiến lược phát triển chung của Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

Chương II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 30.741.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3,074,100 cổ phần (*Ba triệu, không trăm bảy mươi nghìn, một trăm cổ phần*), với mệnh giá một cổ phần là mười nghìn đồng (10.000 VNĐ/01 CP).

Cơ cấu vốn được xác định như sau:

a) Cổ phần do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ: 2.329.200 cổ phần, chiếm 75.77% vốn điều lệ;

b) Cổ phần của các cổ đông khác là : 744.900 cổ phần, chiếm 24,23% vốn Điều lệ.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông, trong đó cổ phần thuộc sở hữu của Người lao động trong Công ty được mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại thời điểm thành lập bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 và Khoản 4 Điều 10 của Điều lệ này. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ này.

4. Cổ phần thuộc sở hữu của Người lao động trong Công ty được mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại thời điểm thành lập Công ty được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông và tự do chuyển nhượng sau khi kết thúc thời gian cam kết. Người nắm giữ cổ phần được mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty có quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần. Sau thời gian cam kết các hạn chế về chuyển nhượng cổ phần của Người lao động trong Công ty đều được bãi bỏ.

5. Công ty có thể chào bán cổ phần để tăng vốn Điều lệ. Việc chào bán cổ phần được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ tại Công ty.

Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua không đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị của Công ty có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của Công ty và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 8 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 8 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

8. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

9. Công ty có thể phát hành các loại trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Trong quá trình hoạt động, phần vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty có thể thay đổi. Việc thay đổi do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam lập phương án, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu và Sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

6. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.

b) Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

c) Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

d) Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần, thừa kế cổ phần

1. Tất cả các cổ phần trong Công ty đều được tự do chuyển nhượng trừ pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ phần ưu đãi của người lao động đã mua khi cam kết làm việc lâu dài cho Công ty trong thời hạn ít nhất là ba (03) năm (kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Trường hợp Công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho Công ty số cổ phần này thì Công ty có trách nhiệm hỗ trợ mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

4. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.

6. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

7. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.

9. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy

quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 12. Mua lại cổ phần, trái phiếu, điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại tệ tự do chuyên đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty và phải được thanh toán đủ một lần.

2. Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Việc yêu cầu của cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan.

3. Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:

a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

4. Trình tự thủ tục tiến hành việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Công ty và việc thanh toán, xử lý các cổ phần mua lại thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 133, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan.

Điều 13. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ này. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công

ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 14. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này hoặc việc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp và Điều 13 Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty.

Mục 1

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này và pháp luật quy định; Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và

tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác trong Công ty đề cử.

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ chủ chốt của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ theo điều 165 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông Công ty thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

- Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật của Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông còn lại tán thành hoặc số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết còn lại tán thành đối với trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

i) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

k) Tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty); giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

n) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty); giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch sau:

- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng mà Công ty đại chúng và tổ chức đó là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của các đối tượng này; Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

- Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ năm một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;

t) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này.

Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 21. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 23, 24, 25, 26 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo/thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình và nội dung Đại hội;

d) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc

trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị đề xuất quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 23. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ để tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và

tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên

và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. Các biện pháp này được phải được Hội đồng quản trị Công ty ban hành và gửi theo Thông báo mời họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty.

Điều 26. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty;
- e) Các vấn đề khác do Điều lệ này quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm

soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị Công ty có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký Biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).

6. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật hiện hành và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 30 của Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 30. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 2 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Nhiệm kỳ và số lượng của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và

nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 32 Điều lệ này;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

d) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

đ) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa;

e) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội

đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

- Trừ trường hợp quy định tại điểm này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; của người quản lý tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.

3. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

i) Thông qua các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
- Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

k) Quy hoạch, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến người quản lý Công ty; thay mặt Công ty khiếu nại, tố cáo Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty khi xét thấy cá nhân đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; ban hành các quy chế nội bộ khác của Công ty trừ trường hợp Điều lệ này quy định khác hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

4. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c trên đây phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm các thông tin sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Giám đốc; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Các kế hoạch trong tương lai.

6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty nhưng phải thực hiện bảo mật, cung cấp thông tin, phát ngôn liên quan đến các thông tin, tài liệu này theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nội quy, quy chế của Công ty.

Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nội quy, quy chế của Công ty.

Điều 34. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 36. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát (lý do theo điểm d, Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này);

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong

thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 9 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong Biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Mục 3

GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 38. Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị làm Giám đốc Công ty.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý tổ chức, cán bộ của Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Công ty:

a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;

c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban Kiểm soát Công ty và người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

d) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý tổ chức, cán bộ của Công ty.

4. Giám đốc Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; Ký kết các Hợp đồng nhân danh Công ty. Đối với các hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông Công ty, Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng sau khi có quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng quản trị Công ty; Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 39. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Công ty có các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị Công ty quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

2. Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc Công ty trong việc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công và uỷ quyền.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty, giúp Giám đốc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; quản lý, kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật về

nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán, và các quy định của pháp luật.

4. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý tổ chức, cán bộ của Công ty.

Điều 40. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất được quy định tại quyết định thành lập, quyết định giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty và theo quy chế, quy định nội bộ Công ty.

3. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc Công ty có quyền đề nghị Hội đồng quản trị Công ty thay đổi cơ cấu, định biên, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sản xuất phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 41. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị quyết định theo kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Tiền lương của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 42. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 43. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Mục 4 BAN KIỂM SOÁT

Điều 44. Ban Kiểm soát

1. Công ty có Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra. Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát phải có hai (02) thành viên thường trú ở Việt Nam.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c) Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

d) Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

đ) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban Kiểm soát;

e) Tham dự hoặc cử thành viên Ban Kiểm soát khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết; Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;

g) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

3. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và cổ đông; Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

5. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm

quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

6. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

7. Giám sát tình hình tài chính của Công ty; Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

8. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

11. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

12. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

13. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

14. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát phải có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

d) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

đ) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc Kế toán trưởng Công ty và các cổ đông.

15. Các tài liệu và thông tin sau đây phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

16. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

17. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

18. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 46. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty, để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 47. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương IV CON DẤU CÔNG TY, CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ LƯU GIỮ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 48. Con dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và quy chế, quy định nội bộ của Công ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của Công ty có dấu ban hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Điều 49. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty

1. Công ty lưu giữ các tài liệu sau đây:

a) Điều lệ Công ty; các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; Sổ đăng ký cổ đông;

b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giấy phép và giấy chứng nhận khác;

c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;

d) Phiếu biểu quyết, Biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của Công ty;

đ) Bản cáo bạch để chào bán hoặc niêm yết chứng khoán (nếu có);

e) Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán;

g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;

h) Các tài liệu khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Đối với các báo cáo quy định tại khoản 4 Điều 33 Điều lệ này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.

3. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính Công ty; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 50. Công khai thông tin Công ty

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:

a) Điều lệ Công ty;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty;

c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất ba (03) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

4. Việc công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và Điều lệ này.

Điều 51. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn Điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc

không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương V

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 52. Quan hệ lao động trong Công ty

1. Trong Công ty, Giám đốc Công ty là Người sử dụng lao động.

Quan hệ lao động giữa người lao động hoặc tập thể lao động với người sử dụng lao động được xác lập qua đối thoại, thương lượng, thoả thuận theo nguyên tắc tự nguyện, thiện chí, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau.

Công ty cam kết bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động trong Công ty có các quyền sau đây:

a) Làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

b) Hưởng lương phù hợp với trình độ, kỹ năng nghề trên cơ sở thoả thuận với người sử dụng lao động; được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có hưởng lương và được hưởng phúc lợi tập thể theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế, quy định của Công ty;

c) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật; yêu cầu và tham gia đối thoại, thực hiện quy chế dân chủ, thương lượng tập thể với người sử dụng lao động và được tham vấn tại nơi làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình; tham gia quản lý theo nội quy của người sử dụng lao động;

d) Từ chối làm việc nếu có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe trong quá trình thực hiện công việc;

đ) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;

e) Đình công;

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Người lao động trong Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và các thoả thuận hợp pháp khác;
- b) Chấp hành kỷ luật lao động, nội quy lao động; tuân theo sự quản lý, điều hành, giám sát hợp pháp của người sử dụng lao động;
- c) Thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.

4. Người sử dụng lao động của Công ty có các quyền sau đây:

- a) Tuyển dụng, bố trí, quản lý, điều hành, giám sát lao động theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh; khen thưởng và xử lý vi phạm kỷ luật lao động;
- b) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật;
- c) Yêu cầu tổ chức đại diện người lao động, thương lượng với mục đích ký kết thoả ước lao động tập thể; tham gia giải quyết tranh chấp lao động, đình công; đối thoại, trao đổi với tổ chức đại diện người lao động về các vấn đề trong quan hệ lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động;
- d) Đóng cửa tạm thời nơi làm việc;
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5. Người sử dụng lao động của Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và thoả thuận khác với người lao động và các thoả thuận hợp pháp khác; tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động;
- b) Thiết lập cơ chế và thực hiện đối thoại, trao đổi với người lao động và tổ chức đại diện người lao động tại Công ty và thực hiện nghiêm chỉnh quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;
- c) Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nhằm duy trì, chuyên đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động;
- d) Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng và thực hiện các giải pháp phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc;
- đ) Tham gia phát triển tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đánh giá, công nhận kỹ năng nghề cho người lao động.

Điều 53. Tổ chức đại diện người lao động trong Công ty

1. Người lao động trong Công ty có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn hoặc có quyền thành lập, gia nhập và tham gia

hoạt động của tổ chức của người lao động tại Công ty theo quy định của Bộ luật Lao động.

2. Các tổ chức đại diện người lao động quy định tại khoản 1 Điều này bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong việc đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động.

3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty trong quan hệ lao động:

a) Thương lượng tập thể với người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động;

b) Đối thoại tại nơi làm việc theo quy định của Bộ luật Lao động;

c) Được tham khảo ý kiến xây dựng và giám sát việc thực hiện thang lương, bảng lương, mức lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng, nội quy lao động và những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động là thành viên của mình;

d) Đại diện cho người lao động trong quá trình giải quyết khiếu nại, tranh chấp lao động cá nhân khi được người lao động ủy quyền;

đ) Tổ chức và lãnh đạo đình công theo quy định của Bộ luật Lao động;

e) Tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật của cơ quan, tổ chức đăng ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam nhằm tìm hiểu pháp luật về lao động; về trình tự, thủ tục thành lập tổ chức đại diện người lao động và việc tiến hành các hoạt động đại diện trong quan hệ lao động sau khi được cấp đăng ký;

g) Được người sử dụng lao động bố trí nơi làm việc và được cung cấp thông tin, bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty;

h) Tổ chức đại diện người lao động tại Công ty có thể bầu Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện của mình. Tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự thủ tục bầu thành viên Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động. Thành viên Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty có quyền sau đây:

- Tiếp cận người lao động tại nơi làm việc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty. Việc thực hiện quyền này phải bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người sử dụng lao động;

- Tiếp cận người sử dụng lao động để thực hiện các nhiệm vụ đại diện của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty;

- Được sử dụng thời gian làm việc theo quy định tại Bộ luật Lao động và văn bản pháp luật liên quan để thực hiện công việc của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty mà vẫn được người sử dụng lao động trả lương;

- Được hưởng các bảo đảm khác trong quan hệ lao động và trong việc thực hiện chức năng đại diện theo quy định của pháp luật.

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với tổ chức đại diện người lao động trong Công ty:

a) Không được cản trở, gây khó khăn khi người lao động tiến hành các hoạt động hợp pháp nhằm thành lập, gia nhập và tham gia các hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty;

b) Công nhận và tôn trọng các quyền của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty đã được thành lập hợp pháp;

c) Phải thỏa thuận bằng văn bản với ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, chuyển làm công việc khác, kỷ luật sa thải đối với người lao động là thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở. Trường hợp không thỏa thuận được, hai bên phải báo cáo với cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Sau 30 ngày kể từ ngày báo cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh biết, người sử dụng lao động mới có quyền quyết định. Trường hợp không nhất trí với quyết định của người sử dụng lao động thì người lao động, ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định;

d) Phải gia hạn hợp đồng lao động đã giao kết đến hết nhiệm kỳ cho người lao động là thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đang trong nhiệm kỳ mà hết hạn hợp đồng lao động;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Một phần lợi nhuận sau thuế của Công ty có thể dùng để trích lập vào các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH,

HỆ THỐNG KẾ TOÁN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên khi chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 57. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và Báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập, công bố và nộp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập, công bố và nộp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền báo cáo tài chính 6 tháng và quý theo quy định pháp luật liên quan.

4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

Điều 59. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương VIII

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 60. Tổ chức lại Công ty

1. Việc tổ chức lại, hình thức tổ chức lại Công ty do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định.

2. Khi tổ chức lại, Công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật quy định.

Điều 61. Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh

1. Việc tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 206 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 213 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 62. Giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định tại các Điều 207, 208, 209, 210 và Điều 211 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 63. Thanh lý Công ty

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập.

Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất

cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 64. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Chương IX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các thỏa thuận khác giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

Các bên liên quan giải quyết tranh chấp trên nguyên tắc thương lượng, hoà giải.

Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

Điều 66. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương X ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 67. Tổ chức thực hiện

1. Các cổ đông của Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

2. Các nội quy, quy chế, quy định nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty ban hành phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

Điều 68. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 10 Chương 68 Điều được Đại hội đồng cổ đông cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2021 tại Trụ sở của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười lăm (15) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) Ba (03) bản nộp Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (là cổ đông tổ chức có vốn góp chi phối tại Công ty);

b) Mười (10) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

c) Hai (02) bản nộp cho cơ quan đăng ký kinh doanh (Sở Kế hoạch đầu tư, thành phố Hồ Chí Minh)

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu hai (02) thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đàm Ngọc Mẫn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc Ủy quyền cho HĐQT quyết định các Hợp đồng và các giao dịch có giá trị $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản Doanh nghiệp ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần TTHH đường sắt Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 23/4/2021.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Hợp đồng và giao Giám đốc Công ty ký kết đối với Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo dưỡng kết cấu hạ tầng Đường sắt Quốc gia với cổ đông là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

2. Đối với các Hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản Doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, Người đại diện phần vốn báo cáo Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN trước khi biểu quyết tại Hội đồng quản trị Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.
Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Uông Nhật Phương

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc Ủy quyền cho HĐQT quyết định
Kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định năm 2026 của Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần TTTT đường sắt Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 23/4/2021.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

Ủy quyền cho HĐQT quyết định Kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định năm 2026 của Công ty (nếu có) đảm bảo trình tự, thủ tục đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và xin ý kiến Hội đồng thành viên Tổng công ty trước khi biểu quyết tại Hội đồng quản trị của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Uông Nhật Phương

TP. HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2026-2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần
Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần TTTH Đường sắt Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 23/4/2021.

Căn cứ văn bản số 687 /ĐS - TCCB ngày 06/3/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc chủ trương công tác cán bộ tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 -2031 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, cụ thể như sau:

I. Bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026

1. Bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2031, số lượng bầu : 03 thành viên.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1, Điều 155 của Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 32 Điều lệ Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 23/4/2021.

- Đảm bảo cơ cấu thành viên theo quy định tại Khoản 1, Điều 154 của Luật Doanh nghiệp năm 2020; khoản 2, Điều 31 Điều lệ Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 23/4/2021.

3. Danh sách đề cử thành viên Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông: 03 người.

- Ông Ưông Nhật Phương, CCCD số 040074006033, cấp ngày 21/4/2022 tại Cục QLHC về TTXH (trích ngang Lý lịch tóm tắt kèm theo).

- Ông Đàm Ngọc Mẫn, CCCD số 024074000335, cấp ngày 04/03/2022 tại Cục QLHC về TTXH (trích ngang Lý lịch tóm tắt kèm theo).

- Ông Đậu Trường Thành, CCCD số 040067017646, cấp ngày 25/6/2021 tại Cục QLHC về TTXH (trích ngang Lý lịch tóm tắt kèm theo).

II. Bầu thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031

1. Bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031, số lượng bầu bổ sung: 03 thành viên.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 44 Điều lệ Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 23/4/2021.

- Đảm bảo cơ cấu thành viên theo quy định tại Khoản 1, Điều 168 của Luật Doanh nghiệp năm 2020; khoản 1, Điều 43 Điều lệ Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn sửa đổi, bổ sung lần thứ hai được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 23/4/2021.

3. Danh sách đề cử thành viên Ban kiểm soát trình Đại hội cổ đông: 03 người.

- Bà Ngô Thị Loan, CCCD số 034179002591, cấp ngày 28/6/2022 tại Cục QLHC về TTXH (trích ngang Lý lịch tóm tắt kèm theo);

- Ông Nguyễn Văn Dũng, CCCD số 040086000524 cấp ngày 25/08/2022 tại Cục QLHC về TTXH (trích ngang Lý lịch tóm tắt kèm theo);

- Ông Thái Công Lộc, CCCD số 079076017344, cấp ngày 10/04/2021 tại Cục QLHC về TTXH (trích ngang Lý lịch tóm tắt kèm theo).

Thẻ lệ bầu cử: (đính kèm tờ trình này).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ưông Nhật Phương

